

Tìm hiểu về lịch sử và bằng chứng chủ quyền biên giới Việt -Trung

Trần Việt Bắc

Lời tựa

Ngày 05 tháng 08 năm 2010, bộ Ngoại Giao của chính phủ Cộng Sản Việt Nam (CSVN) đã chính thức công bố Hiệp Định về biên giới trên đất liền với chính phủ Trung Quốc (TQ), được gọi tắt là “hai Bên”.

Hiệp Định này gồm có ba văn bản:

1. **Hiệp định về quy chế quản lý biên giới trên đất liền**, được ký kết ngày 18 tháng 11 năm 2009, tại Bắc Kinh, giữa Hồ Xuân Sơn (Đại diện phía CSVN) và Vũ Đại Vĩ (Đại Diện phía TQ).
2. **Hiệp định về cửa khẩu và quy chế quản lý cửa khẩu biên giới trên đất liền**, được ký kết ngày 18 tháng 11 năm 2009, tại Bắc Kinh, giữa Hồ Xuân Sơn (Đại diện phía CSVN) và Vũ Đại Vĩ (Đại diện phía TQ).
3. **Nghị định thư phân giới cắm mốc biên giới trên đất liền**, được ký kết ngày 18 tháng 11 năm 2009, tại Bắc Kinh, giữa Đỗ Văn Mai (Đại diện phía CSVN) và Âu Dương Ngọc Tịnh (Đại diện phía TQ).

Những hiệp định này có hiệu lực từ ngày 14 tháng 7 năm 2010. Hai Bên đã phân giới toàn bộ đường biên giới phía bắc của Việt nam giáp giới với Trung Quốc. Qua những hiệp định và nghị định này, vùng đất của tiền nhân để lại chúng ta ra sao trước âm mưu của Bắc phương?

A- Đại cương về lịch sử đường biên giới Việt-Trung

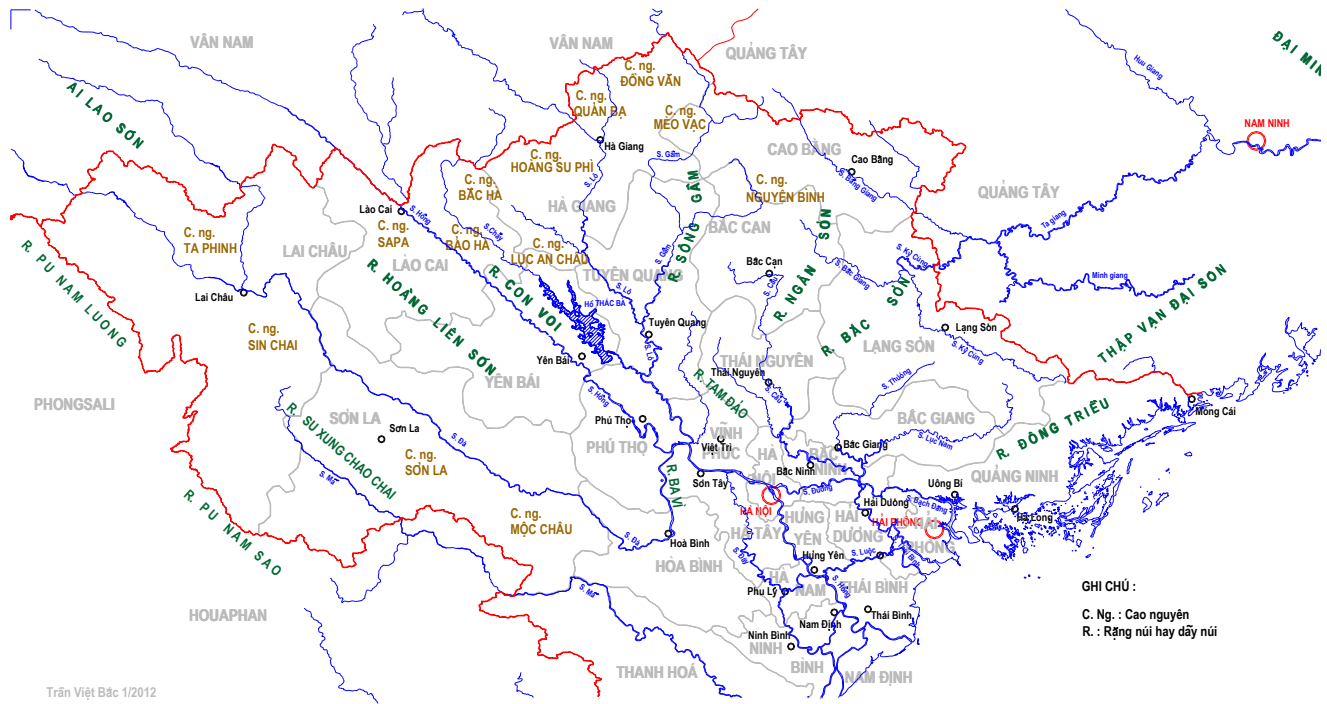
Thời xưa ý niệm về đường biên giới chưa có, mà chỉ có ý niệm về **vùng biên giới**, lấy yếu tố thiên nhiên như sông núi để phân định, vì thế những vấn đề tranh cãi đã xảy ra nhiều lần. Trung Quốc (TQ) bằng những âm mưu khác nhau, đặc biệt bằng cách lấy các địa danh của họ, gán vào nội địa của nước Việt, rồi nói là của TQ, đưa người sang cư trú, sau đó lấy lý do bảo vệ người rồi đưa quân sang. Nước Việt đã không có những nhà địa lý chuyên môn để vạch ra những gian trá này. Phải chấp nhận một vấn đề là sử ký và địa lý thời cổ của Việt Nam đã tham khảo từ sử sách của TQ khá nhiều, đặc biệt là vấn đề địa dư. TQ với cách diễn tả về địa hình, khoảng cách đã không rõ ràng, người Việt tham khảo lại những tài liệu này, rồi viết lại về địa dư nước Việt. Hơn nữa Trung Quốc với mộng “bành trướng Đại Hán” đã chắc gì đưa ra những tài liệu thật của họ để cho Việt Nam (VN) tham khảo, hoặc là với âm mưu chiếm đất bằng cách thay đổi hay ngụy tạo tài liệu? Đường biên giới chưa bao giờ được phân định rõ ràng qua các triều đại.

Đường biên giới trên đất liền của Việt Nam dài 1450 km giáp với hai tỉnh Vân Nam và Quảng Tây của TQ. Đường biên giới lần đầu tiên được quy định bởi nước Pháp (nhà nước bảo hộ Việt Nam) và nhà Thanh (đang cai trị Trung Hoa) bằng hai Công Ước 1887 và 1895. Qua hai công ước này, Việt Nam đã mất đi khá nhiều đất đai cho TQ, điển hình là đất vùng Tụ Long ở phía tây của tỉnh Hà Giang, VN, ngày nay thuộc tỉnh Vân Nam, TQ, và vùng đất phía đông của tỉnh Quảng Ninh VN, ngày nay thuộc tỉnh Quảng Tây TQ. Dù đường biên giới đã được phân định, tuy nhiên vì những điều kiện hạn chế, nên đường biên giới đã có nhiều chỗ không được rõ

ràng, vì thế đã xảy ra nhiều tranh chấp, cũng như TQ đã chiếm, hay CSVN đã nhượng đất, mà chúng ta sẽ nêu lên sau. Ngày 30 tháng 12 năm 1999, chính phủ Cộng Sản Việt Nam (CSVN) và TQ đã ký hiệp ước biên giới trên đất liền tại Hà Nội do Nguyễn Mạnh Cầm (Đại diện phía CSVN) và Đường Gia Triền (Đại diện phía TQ). Sau đó việc cắm các mốc giới đã được thi hành trong 9 năm. Ngày 31 tháng 12 năm 2008, việc phân giới đã hoàn tất, sau đó hai Bên đã ký kết hiệp định ngày 18 tháng 11 năm 2009 về biên giới, như đã được nêu lên trong phần đầu.



<http://bandoquacau.com/Images/Product/ban-do-hanh-chinh-cac-tinh-phia-bac.gif>



Bản đồ miền bắc Việt Nam (có tính cách tượng trưng, không theo đúng tọa độ)

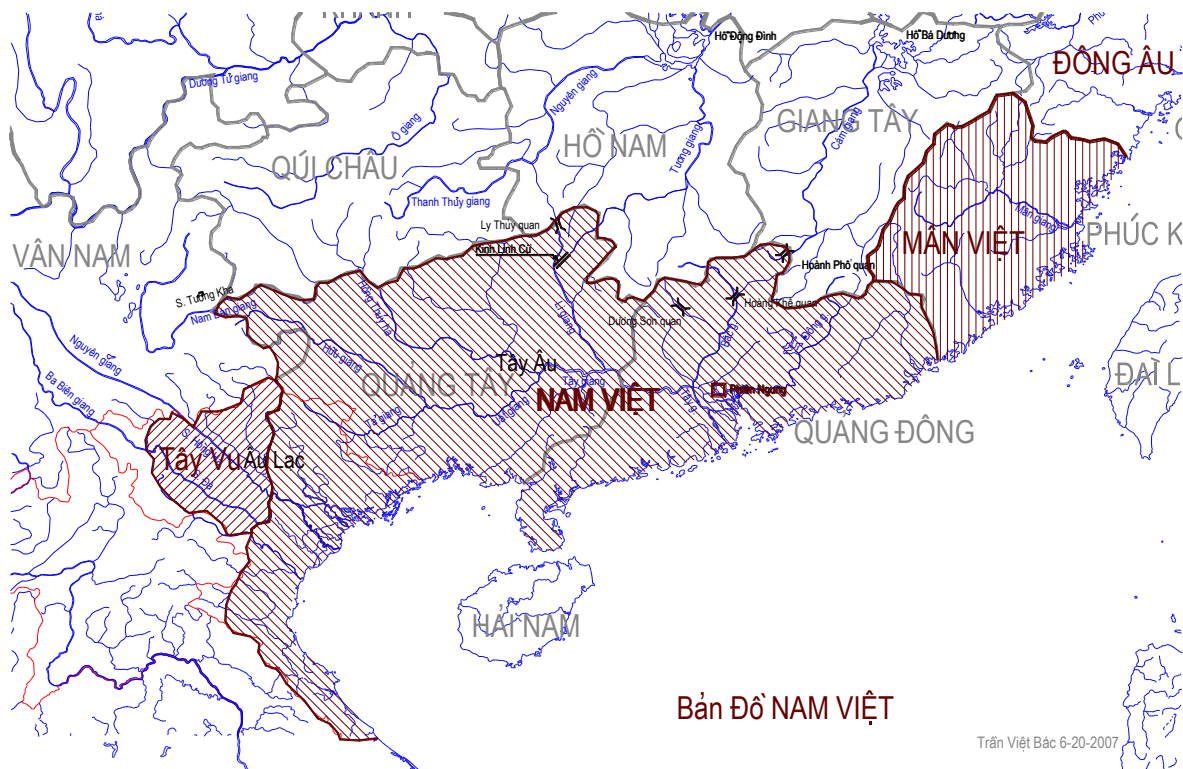
Ghi chú: Ranh giới các tỉnh trước năm 2000 (tỉnh Điện Biên thành lập năm 2003, tách ra từ tỉnh Lai Châu).

A.1- Sơ lược lịch sử về việc thành lập vùng biên giới Việt - Trung.

Quân Tần xâm chiếm Bách Việt năm 211 TCN, Giao Chỉ - cổ Việt- là một trong Bách Việt đã không bị quân Tần xâm lăng. Nhà Tần mất, Triệu Đà chiếm cổ Việt và một phần Bách Việt (Quảng Đông, Quảng Tây và vùng Bắc Việt) dựng nước Nam Việt trong đó có Giao Chỉ.

Cương giới nước Nam Việt được phỏng định như sau:

Nhà Triệu (207BC - 111BC) tồn tại khoảng gần một thế kỷ. Năm 111 TCN Hán Vũ đế nhà Tiền Hán (Tây Hán 206BC - 8AD) mang quân qua xâm lăng, Nam Việt bị chiếm đóng, nhà Hán thiết lập nền đô hộ. Cổ Việt gồm Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam là ba quận trong Giao Châu. Nước Nam Việt bị đặt thành một châu là Giao Châu, ranh giới vẫn gần như tương đương nước Nam Việt.



Nước Nam Việt (với biên giới phỏng định)

Giao Châu được vẽ phỏng định theo bản đồ dưới đây:



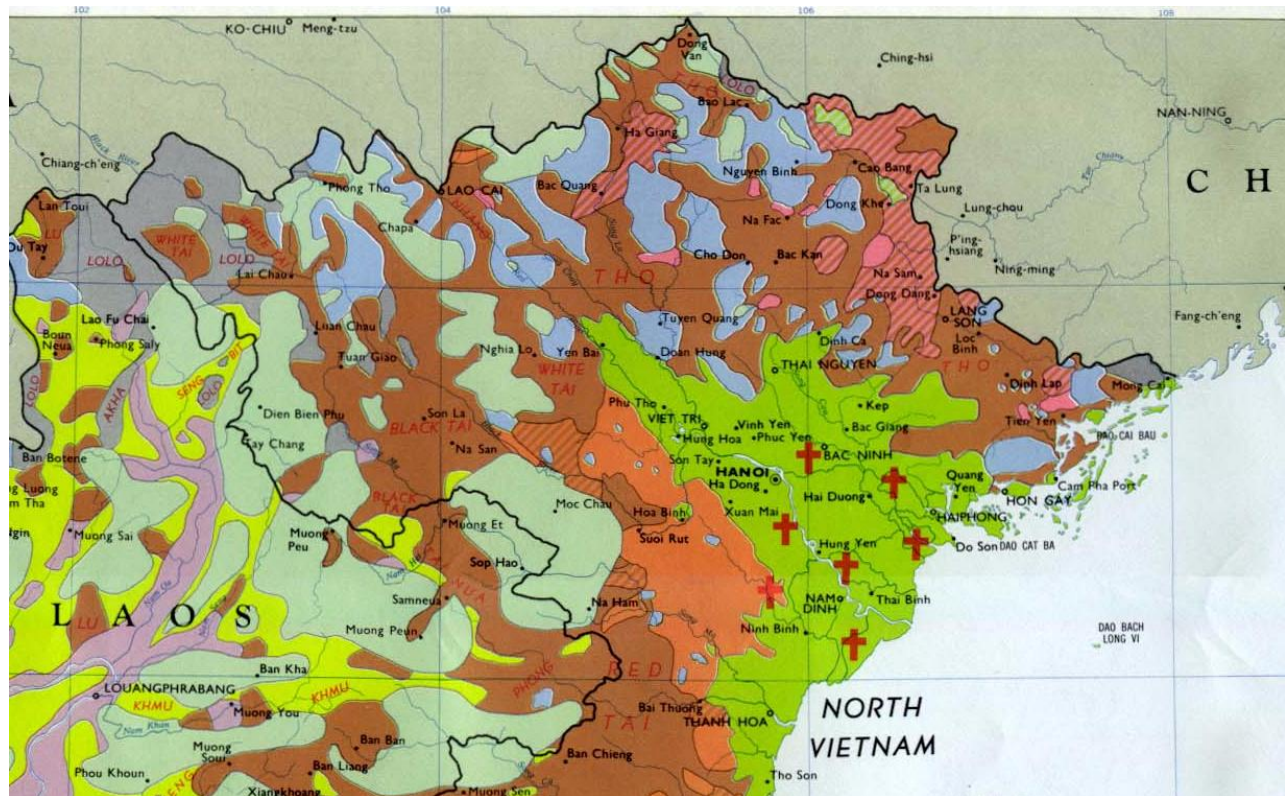
Giao Châu thời Hậu Hán (ranh giới được phỏng định)

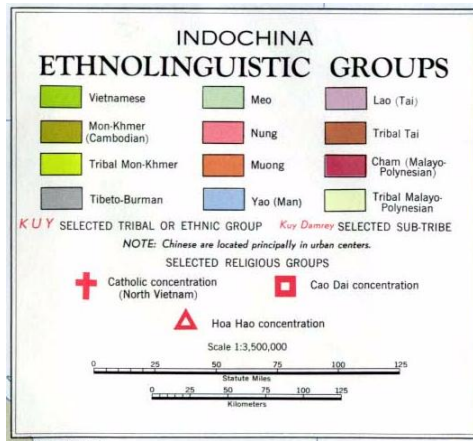
Vương Mãng nổi lên cướp ngôi nhà Tiền Hán (hay Tây Hán) lập ra nhà Tân (9AD - 23AD). Hậu duệ nhà Hán là Lưu Tú (Hán Quang Vũ) thắng nhà Tân, lập nên nhà Hậu Hán (hay Đông Hán 25AD - 220AD). Việt Nam vẫn bị dưới ách Bắc thuộc.

Năm 40AD, Hai Bà Trưng khởi nghĩa, các quận thuộc Giao châu là Giao Chỉ, Hợp Phố, Cửu Chân, Nhật Nam cùng hưởng ứng. Hai Bà thành công và lập nên tự chủ, xưng vương. Năm 43AD, Hán Quang Vũ sai Mã Viện (Phục Ba) mang quân sang tấn công, Hai Bà thua trận, Mã Viện thiết lập nền đô hộ tàn bạo hơn trước, cổ hủ hóa cổ Việt. Từ thời điểm này (43AD) trở đi, dù có nhiều cuộc khởi nghĩa với sự thành công ngắn hạn, nhưng **cương vực không được sử liệu đề cập**.

Đến khi Ngô Vương Quyền thắng quân Nam Hán (939AD), nước Việt bắt đầu có sự độc lập, nhưng cương vực cổ Việt vẫn không được xác định rõ ràng. Vào những thế kỷ sau, Bắc phương vẫn nhiều lần cố gắng để mong đặt ách đô hộ bằng vũ lực.

Muốn thực hiện mục đích này, đoàn quân xâm lăng phải chiếm đóng được vùng đồng bằng sông Hồng, nơi có đông dân cư, nhiều tài nguyên, là nơi có kinh đô và trung tâm hành chính của triều đình sở tại. Tuy nhiên muốn tới đây, đoàn quân viễn chinh phương Bắc phải đi qua lớp "rào chắn" là **vùng kế Trung Hoa ở phía Bắc Việt, nơi các dân tộc miền núi cư ngụ, tại đây họ đã tạo thành vùng "phên dậu", cùng chung sức với dân tộc Việt trong việc bảo vệ đất nước để thành lập vùng biên giới phía Bắc**. Với sự đoàn kết dân tộc, Việt Nam đã vượt qua được những âm mưu này để duy trì nền độc lập đến ngày nay.





Các dân tộc thiểu số tại bắc Việt Nam

*Hình được sao lại phần phía bắc của bản đồ cùng với hình có ghi chú:
<http://ccat.sas.upenn.edu/plc/clpp/images/langmaps/>*

Những dân tộc sống tại phía Bắc hầu hết là các dân tộc miền núi (~60%), người Tày - Nùng (Tai - Nung) chiếm đa số ¹ tại ba tỉnh Lạng Sơn (~79%), Cao Bằng (~72%) và Bắc Cạn (~61%). Vì cư ngụ tại nơi địa đầu của biên cương và là đa số, nên so với các dân tộc khác tại phía Bắc, dân tộc Tày - Nùng đã đóng vai trò quan trọng hơn cả trong lịch sử. Các vương triều Việt Nam đã có chính sách dân tộc ra sao để tạo nên sự đoàn kết dân tộc?

A.1.a- Chính sách về các dân tộc thiểu số từ nhà Ngô đến hết thời nhà Trần (939 - 1400)

Nhà Ngô (939-965): Dưới thời nhà Ngô, nước Việt gồm 8 châu ² là những tỉnh vùng trung du, đồng bằng tại bắc Việt và những tỉnh vùng đồng bằng Thanh - Nghệ - Tĩnh, còn những tỉnh ở biên giới phía Bắc hay những vùng rừng núi khác là những châu "ky my" - ít hay hầu như không có sự lệ thuộc - thì gần như không ảnh hưởng bởi chính sách của nhà Ngô. Nhà Ngô suy, Dương Tam Kha cướp ngôi, thủ lĩnh cát cứ tại nhiều vùng không phục, nổi lên chống lại họ Dương cũng như chống lẫn nhau, lịch sử gọi giai đoạn này là "Loạn 12 sứ quân".

Nhà Đinh (968-980): Đinh Bộ Lĩnh thống nhất đất nước (968), lên ngôi hoàng đế là Đinh Tiên Hoàng. Ông chú trọng đến chính sách cho miền đồng bằng, nơi dân đông cư, nên đối với các châu "ky my" ông vẫn theo như

¹ Thống kê năm 2009. Phỏng đoán là trong những thế kỷ trước, có lẽ hầu hết dân số tại 3 tỉnh này là người Tày - Nùng.

² 8 châu:

Giao châu: gồm các tỉnh Hà Nội, Bắc Ninh, Hưng Yên ngày nay.

Lục châu: gồm vùng đất từ phía nam Khâm Châu - Quảng Tây và tỉnh Quảng Ninh ngày nay.

Phong châu: vùng đất tỉnh Phú Thọ, Vĩnh Phúc và các vùng kế bên.

Trường châu: vùng tỉnh Ninh Bình và các vùng kế bên.

Ái châu: tỉnh Thanh Hóa.

Diễn châu: nửa phần phía bắc tỉnh Nghệ An.

Hoan châu: nửa phần phía nam Nghệ An và phần phía bắc Hà Tĩnh.

Phúc Lộc châu: phần phía nam tỉnh Hà Tĩnh (đến phía bắc núi Hoàng Sơn).

đường lối của nhà Ngô là **để họ tự trị, nhưng xác định những châu - động hay các bộ lạc này thuộc lãnh thổ Đại Cồ Việt.**

Nhà Tiền Lê (980-1009): Thập Đạo Tướng Quân Lê Hoàn được Đinh Phế Đế là Đinh Toàn (6 tuổi) nhường ngôi vua (980) thay nhà Đinh, khi nghe tin quân Tống sắp mang quân sang xâm lăng (do chủ trương của mẹ là Thái hậu Dương Vân Nga). Vua Lê Đại Hành là người đã có công phá Tống năm 981 để bảo vệ nền độc lập cho nước Việt, cũng như "bình Chiêm" (982). Ông làm vua 25 năm (mất năm 1005).

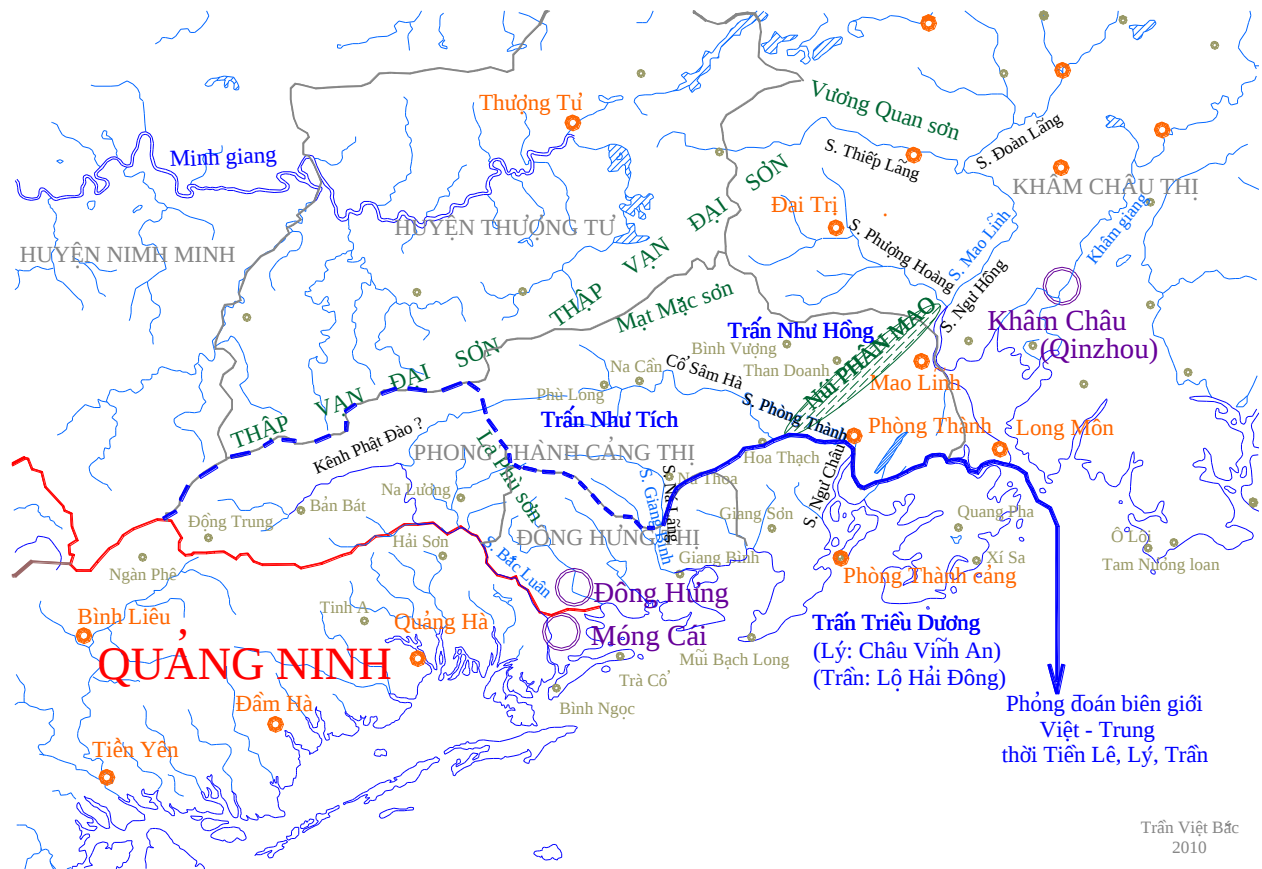
Dưới thời Tiền Lê, **chính sách đối với các dân tộc thiểu số đã thay đổi** so với hai triều Ngô và Đinh là **dùng cách cứng rắn để thu phục và đặt dưới sự quản trị của triều đình, nếu thần phục, để họ tự trị theo phong tục riêng, nếu không thì dùng vũ lực để bắt họ phải tuân theo.**

Nhà Lý (1009-1225): Năm 1009, Lý Công Uẩn được quần thần suy tôn lên làm hoàng đế, khởi đầu một triều đại kéo dài 216 năm. Trong thời Lý Thái Tổ Công Uẩn làm vua (1009-1028), ông chủ trương chính sách nhu hòa đối với người dân, nhưng với các dân tộc thiểu số ông **vẫn dùng cách cứng rắn để thu phục, hầu như hoàn toàn bằng vũ lực.**

Năm 1028, Thái Tông Lý Phật Mã (1000 - 1054) lên kế vị. Lý Thái Tông muốn các dân tộc thuộc nước Việt quy về một mối, thần phục một triều đình, nên thường hay thân chinh đi đánh dẹp những cuộc nổi loạn hay chống đối. Đối với các dân tộc thiểu số, Lý Thái Tông dùng chính sách **phủ dụ và lấy lòng, phong quan tước, đặc biệt là gả công chúa cho các châu mục** (thủ lĩnh một châu) ở gần biên cương để kết thân. Nhiệm vụ của các bộ tộc thần phục là tiến cống sản vật địa phương cho triều đình tùy theo khả năng. Các vua thời Lý sau thời Thái Tông đều theo chính sách này.

Nhà Trần (1225 - 1400): Năm 1225, Trần Cảnh lên làm vua là Trần Thái Tông (1225-1258), khởi đầu cho thời đại nhà Trần. Chính sách cai trị đối với các dân tộc thiểu số thời Trần là cũng dùng **sách lược phủ dụ để thu phục**, tuy nhiên cách thức có sự khác biệt, như **bãi bỏ lệ gả công chúa cho các châu mục**, nhưng lại cử những người biết về phong tục của các dân tộc đến những vùng này để trị an, cũng như **việc phong chức và trao quyền cho thủ lĩnh các tộc.**

Đầu thời Trần, quân Nguyên đã ba lần sang tấn công Đại Việt (1257, 1285, 1287), những dân tộc thiểu số ở phía Bắc đã góp sức rất nhiều với dân Việt để chống trả lại những lần xâm lăng này.

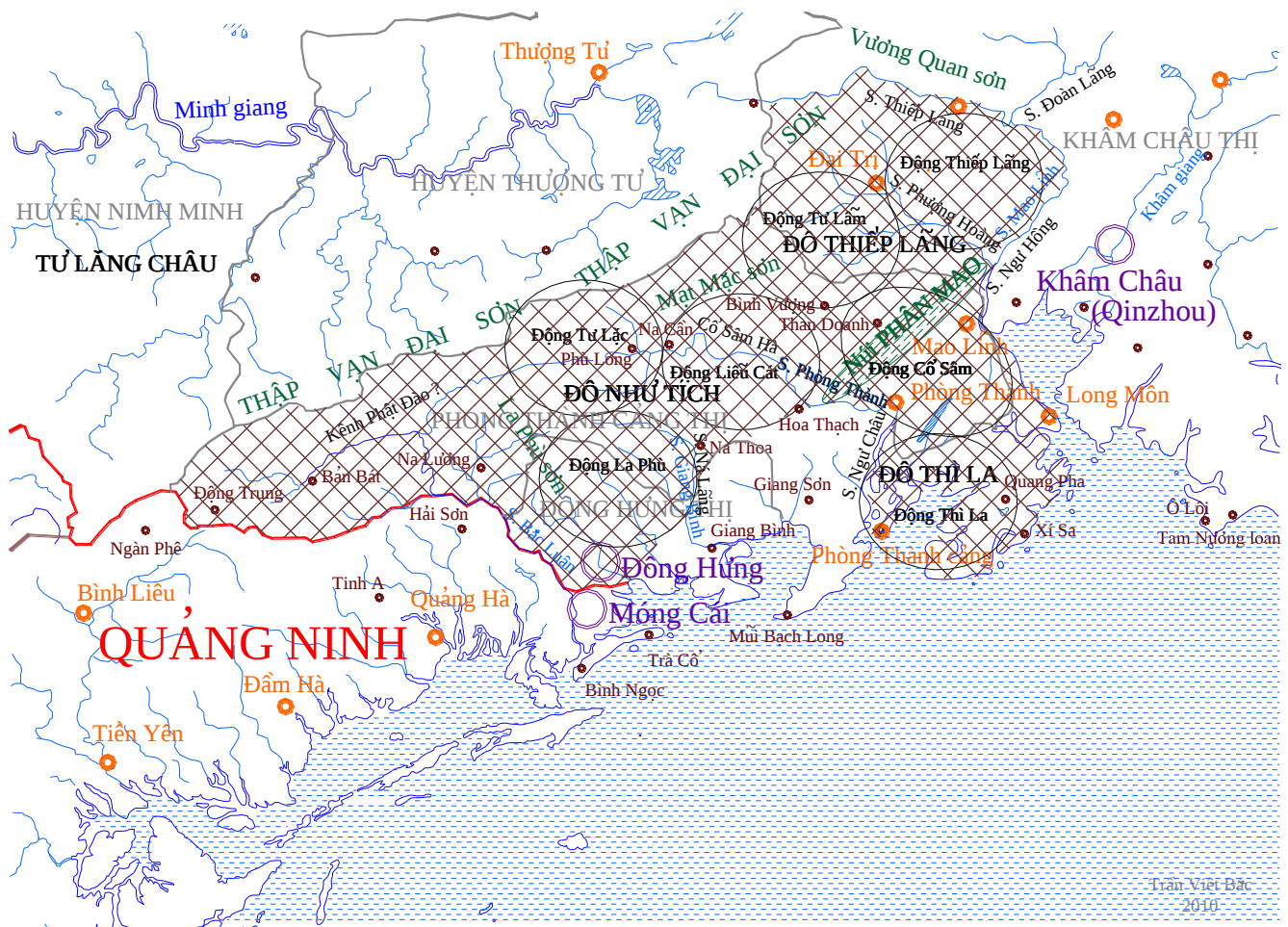


*Phong đoán sơ lược (không theo đúng tỷ lệ) biên giới Việt - Trung
vùng Quảng Ninh và châu Khâm; phía tây của vùng biên giới này không thay đổi
Thời Tiền Lê, Lý, Trần*

A.1.b- Chính sách về các dân tộc thiểu số thời nhà Hậu Lê (1428 - 1527)

Nhà Trần suy, Hồ Quý Ly cướp ngôi (1400) lập nên nhà Hồ (1407). Năm 1406, quân Minh sang xâm lăng nhưng bị thua rút về. Tháng 9, nhà Minh lại mang quân sang, chiến thắng và diệt nhà Hồ, thiết lập nền đô hộ trong 20 năm. Sau 10 năm kháng chiến, dưới sự lãnh đạo của Bình Định Vương Lê Lợi, Việt Nam đã đánh đuổi được quân Minh, lấy lại độc lập năm 1427.

Thái Tổ Lê Lợi (1428-1433) là vị vua đầu tiên của nhà Hậu Lê. **Đối với các dân tộc thiểu số, Thái Tổ cũng theo những quy củ thời Trần**, tuy nhiên bởi chính ông xưng mình là Lam Sơn động chủ, nên đối với người thiểu số, Lê Thái Tổ có một chính sách ưu đãi hơn trước. Khi quân Minh ra khỏi bờ cõi, **một số động ở ngoài biên cương xin nội thuộc vào Việt Nam.**



*Bản đồ phỏng đoán vùng đất Hoàng Kim Quảng và Hoàng Thánh Hứa xin nội thuộc vào Đại Việt năm 1427
(vùng gạch chéo)*

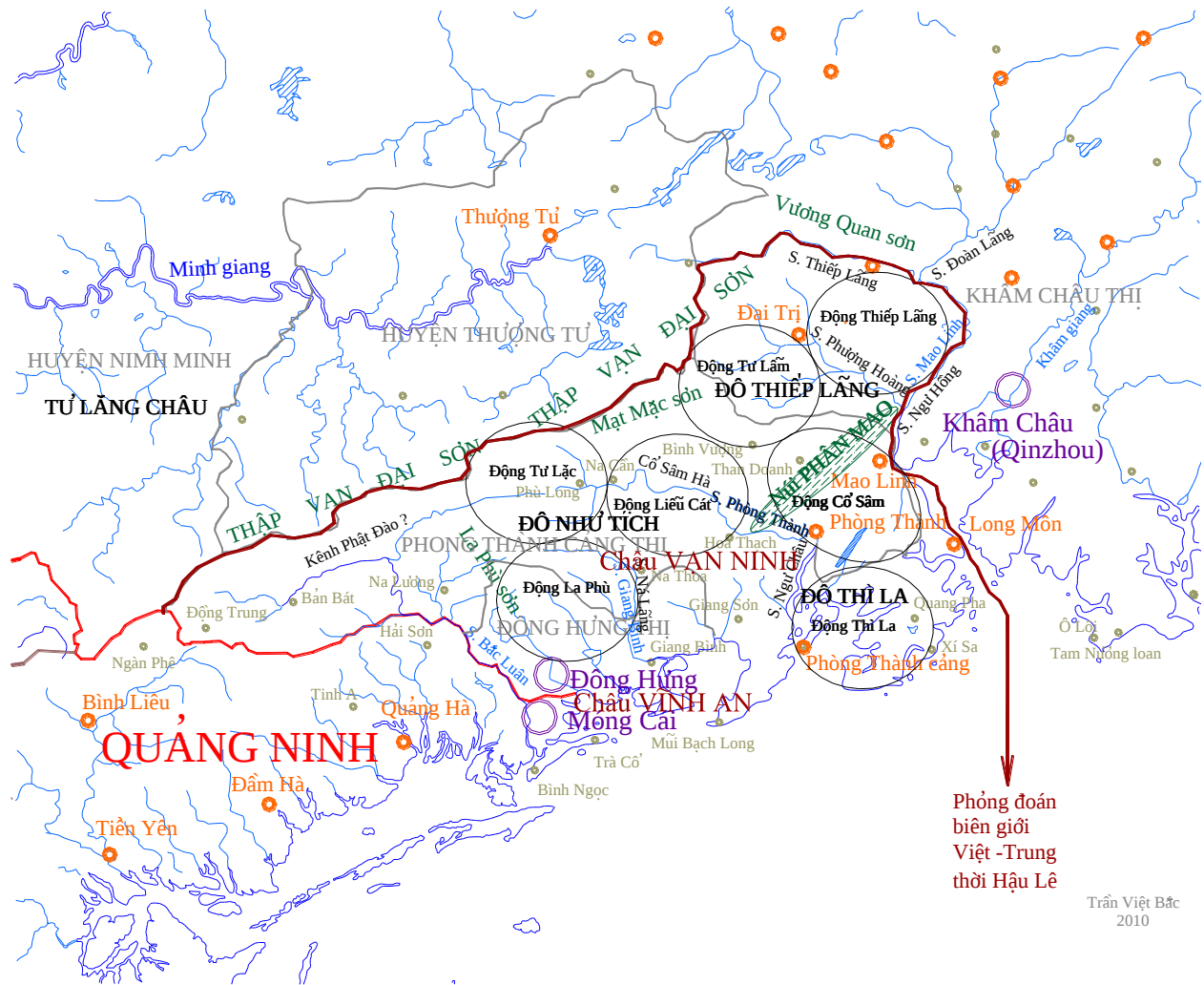
Dưới thời **Lê Thánh Tông** (1460 - 1497), chính sách cai trị đã được cải tổ khá nhiều, đặc biệt là bộ luật Hồng Đức hay "*Quốc triều hình luật*" ra đời. Theo bộ luật này, **chính sách đối với các dân tộc thiểu số được cải thiện tốt hơn, để bảo vệ họ tránh được việc sách nhiễu của các quan lại**.

Chính sách đối với các dân tộc thiểu số tại miền Bắc Việt Nam của các triều đại sau thời Hồng Đức đến đầu thời nhà Mạc (1527) đã không có những thay đổi gì đáng kể.

A.1.c- Sự dâng/trả/nộp (?) đất của Mạc Đăng Dung (1540)

Nhà Mạc (1527 - 1676): Năm 1527, Mạc Đăng Dung cướp ngôi nhà Lê lên làm vua, một số quan không thần phục di chuyển về Thanh Hóa để khôi phục lại nhà Lê. Vua nhà Minh thừa cơ hội uy hiếp Việt Nam, Mạc Thế Tổ Đăng Dung “*năm 1528, cắt đất dâng nhân dân hai châu Quy, Thuận và hai tượng người bằng vàng và bạc cùng châu báu, của lạ, vật lạ. Vua Minh thu nhận*” (Đại Việt Sử Ký Toàn Thư)³. Năm 1540, Mạc Đăng Dung dâng/nộp/trả (?) cho nhà Minh bảy động cho nhà Minh là ba động Thiếp Lãng, Tư Lãm, Cổ Sâm, thuộc đô Thiếp Lãng; ba động Tư (Kim)Lặc, Liễu Cát, La Phù, thuộc đô Như Tích; và động hay đô Thì La. Năm 1592, nhà Mạc bị Trịnh Tùng đánh bại phải bỏ chạy lên Cao Bằng.

³ Một số sử gia cho là hai châu Quy Hóa và Thuận An đã bị Nùng Trí Hội và Nùng Tôn Đán nộp cho nhà Tống từ thời nhà Lý, không phải Mạc Đăng Dung nộp cho nhà Minh.



*Phỏng đoán sơ lược (không theo đúng tỷ lệ) biên giới Việt - Trung
vùng Quảng Ninh và châu Khâm; phía tây của vùng biên giới này không thay đổi
Thời Hậu Lê*



CARTE GÉNÉRALE DU TONKIN 1/2000000, D'APRÈS DES DOCUMENTS FOURNIS PAR LES OFFICIERS TOPOGRAPHES DU CORPS EXPÉDITIONNAIRE.

Bản đồ trích từ sách “Une campagne au Tonkin” của BS Hocquard, in ở Paris năm 1892

Thời Lê Trung Hưng (1532-1786) và chúa Trịnh (1545 - 1786): Từ năm 1545, Trịnh Kiểm với danh nghĩa “Phù Lê diệt Mạc” đã gây dựng được một thế lực lớn. Năm 1570, Trịnh Kiểm chết, con là Trịnh Tùng kế nghiệp. Năm 1592, Trịnh Tùng chiếm lại được Thăng Long, họ Trịnh gần như làm chủ miền Bắc, tuy nhiên vẫn duy trì vua Lê làm đề làm vì. **Vùng biên giới phía đông tỉnh Quảng Ninh đã bị thu nhỏ lại sau “biến cố Mạc Đăng Dung” dâng/nộp/trả (?) 7 động cho nhà Minh.** Chính sách của các chúa Trịnh đối với các dân tộc thiểu số vẫn như thời Hậu Lê.

Thời Tây Sơn (1788 - 1802): Ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ nổi lên ở vùng Bình Định, đuổi được chúa Nguyễn ở miền Trung. Đặc biệt vua Quang Trung Nguyễn Huệ dẹp chúa Trịnh và có công lớn với Việt Nam là đánh đuổi ngoại xâm (Quân Xiêm La và quân Thanh) ra khỏi bờ cõi. Tuy nhiên nhà Tây Sơn không tồn tại lâu dài vì Nguyễn Ánh nhà Nguyễn đã tạo được thế lực mạnh. Năm 1802, Nguyễn Ánh thống nhất đất nước lấy niên hiệu là Gia Long, dựng nên triều Nguyễn. Trong thời Tây Sơn, chính sách đối với các dân tộc thiểu số gần như bị lãng quên vì chiến tranh xảy ra triền miên, vùng biên giới Việt - Trung không có gì thay đổi.

A.1.d- Chính sách về các dân tộc thiểu số thời nhà Nguyễn (từ 1802 đến năm Pháp chiếm toàn Việt Nam - 1884):

- Khi vua **Gia Long** (1802 - 1820) vừa lên ngôi; đã có vài vụ nổi dậy do lòng dân còn luyến tiếc nhà Lê ở vùng đồng bằng miền Bắc. Vùng biên giới phía Bắc giáp Trung Hoa đã không có cuộc nổi dậy nào lớn. Tuy nhiên trước đó vì quá nghèo, lại bị ảnh hưởng gián tiếp bởi những chính biến liên tiếp tại Bắc Hà, nên đời sống vùng này lại càng lầm than hơn. Dù vua Gia Long thống nhất được đất nước, nhưng hậu quả của sự bất ổn về chính trị và một nền kinh tế tồi tệ vẫn còn, nên cướp bóc đã xảy ra liên miên. Vùng biên giới phía Bắc lại là vùng

hiềm trở, nên đã trở thành nơi ẩn náu của những kẻ làm loạn. Cần một thời gian dài để ổn định, những năm cuối thời Gia Long (1816- 1820), loạn lạc tại vùng Việt Bắc tạm thời yên, gần như không còn có những đám giặc nào nổi lên (theo Đại Nam Thực Lục).

- Thời **Minh Mạng** (1820-1840, nhiều cuộc nổi dậy lớn đã xảy ra như Phan Bá Vành (1826-1827), Lê Duy Lương (1832-1833), Nông Văn Vân (1833-1835). Riêng vụ nổi dậy của Nông Văn Vân là khó đánh dẹp hơn cả, vì rất nhiều các thổ quan, các tù trưởng của những dân tộc thiểu số ở Việt Bắc đã bắt mẫn chính sách (đặt “lưu quan” và bỏ “thế tập”) của vua Minh Mạng đối với các dân tộc tại vùng này, rất nhiều bộ tộc đã đứng lên hưởng ứng, đây là sự vùng lên của những dân tộc bị áp bức. Các tỉnh như Thái Nguyên, Tuyên Quang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Hà Giang, Bắc Cạn là vùng hoạt động của quân nổi dậy. Triều đình đã phải huy động một lực lượng rất lớn để đánh dẹp. Vua Minh Mạng đã không dùng chính sách mềm dẻo đối với những dân tộc thiểu số như các triều đại Lý, Trần, Lê, nhà vua chủ trương dùng vũ lực để đàn áp một cách sắt máu, ép họ vào một khuôn khổ theo ý của ông. Việc nổi dậy của Nông Văn Vân (em vợ Lê Văn Khôi) cùng các bộ tộc dân Tày - Nùng tại Việt Bắc, nhà Nguyễn mất gần hai năm (7/1833 -3/1835) để đánh dẹp.

- Qua thời **Thiệu Trị** (1841-1847), cũng vẫn áp dụng chính sách từ thời Minh Mạng, vì thế, mặc dù Nông Văn Vân đã chết, nhưng những người theo viên thủ lãnh này vẫn còn nối tiếp việc nổi dậy cho đến thời vua Tự Đức.

- Đến thời **Tự Đức** (1847-1883), phong trào nổi dậy để khôi phục triều Lê xảy ra ở nhiều nơi, chính sách đối với dân thiểu số từ thời Minh Mạng vẫn không thay đổi, loạn lạc ngày càng xảy ra nhiều hơn. Năm 1873, Pháp mang quân ra đánh Bắc Việt lần thứ nhất. Chính sách đối với dân thiểu số này chấm dứt khi vua Tự Đức mất (1883).

A.2- Chiến tranh Pháp - Thanh (9/1884 - 6/1885)

A.2.a- Sơ lược về việc Pháp mang quân đánh Bắc Việt

* Pháp đánh Bắc Việt lần thứ nhất

- Năm 1873, sau khi Francis Garnier ra bắc vì vấn đề giao thương của Dupuis, nhưng đã bất ngờ chiếm bốn thành ở Bắc Việt là Hà Nội, Hải Dương, Ninh Bình và Nam Định vì thấy hỏa lực của mình lớn hơn hẳn quân của triều đình. Phò mã Hoàng Kế Viêm ở Bắc Việt coi việc quân, đang đóng ở Tĩnh Sơn Tây đã liên kết với quân Cờ Đen của Lưu Vĩnh Phúc, được đội quân này giúp và giết Francis Garnier. Tướng Dupré cử Philastre ra Hà Nội để điều đình và làm giấy giao ước, rồi trả lại bốn thành cho Việt Nam. Năm 1874 **hòa ước Giáp Tuất** được ký giữa Pháp và Việt Nam.

- Năm 1881, hai thương nhân người Pháp dù được giấy thông hành sang buôn bán ở Vân Nam, nhưng bị quân Cờ Đen chặn ở vùng biên giới Lào Cai. Người Pháp mượn cớ bảo vệ quyền lợi của mình nên mang quân ra miền Bắc một lần nữa để can thiệp.

* Âm mưu thôn tính một nửa Bắc Việt của Trung Hoa

- Dù đã ký hòa ước với Pháp có điều khoản là “*Việt Nam không phải thần phục nước nào nữa*” (VNSL), tuy nhiên vua Tự Đức vẫn cho người sang triều cống theo tính cách của một nước chư hầu, mong có sự giúp đỡ khi cần. Trong khi đó **nhà Thanh đang tính chuyện chiếm nửa Bắc Việt kể từ sông Hồng trở lên phía bắc**, thông qua sự thỏa thuận giữa đại sứ Pháp ở Trung Hoa là Bourée với Lý Hồng Chương vào tháng 11 năm 1883. Tuy nhiên, chính phủ Pháp muốn chiếm toàn miền Bắc, nên triệu Bourée về Pháp. Không dự đoán được âm mưu của nhà Thanh, vua Tự Đức sai Phạm Thận Duật sang Thiên Tân cầu cứu. “Tổng đốc Lương Quảng là

Trương Thụ Thanh làm mật sớ về tâu với vua nhà Thanh, đại lược nói rằng: *"Nước Nam và nước Tàu tiếp giáp với nhau mà thế lực nước Nam thật là suy hèn, không có thể tự chủ được nữa, vậy ta nên mượn tiếng sang đánh giặc mà đóng giữ ở các tỉnh thượng du. **Đợi khi có biến thì ta chiếm lấy những tỉnh ở về phía bắc sông Hồng Hà**"* (VNSL). Tháng 6 năm 1882, nhà Thanh nhân cơ hội lấy cớ giúp Việt Nam, sai **Đường Cảnh Tùng và Tạ Kính Bưu** mang quân sang đóng ở Sơn Tây và Bắc Ninh.

*** Pháp đánh Bắc Việt lần thứ nhì**

Tháng 4 năm 1882, đại tá Henri Rivière cùng với hai chiếc tàu và 400 quân đến Hà Nội. Tổng đốc Hoàng Diệu ở thành Hà Nội thấy quân Pháp đột nhiên kéo đến, nên nghi ngờ và chuẩn bị phòng thủ. Rivière không bằng lòng và muốn đánh thành. Ông này gởi tới hậu thư bắt phải hủy bỏ phòng thủ và các võ tướng phải đến chỗ đóng quân của Rivière đợi lệnh! Phía Việt Nam không đồng ý, Rivière tấn công và thành Hà Nội thất thủ. Tổng Đốc Hoàng Diệu tự tử, quân Pháp vào đóng trong thành. Tháng 3 năm 1883, Rivière mang quân chiếm mỏ than Hòn Gai. Nhận được thêm 750 quân tiếp viện từ trong Nam ra, Rivière tấn công và chiếm thành Nam Định.

Lưu Vĩnh Phúc mang quân Cờ Đen về đóng ở phủ Hoài Đức gần Hà Nội, cùng với quân Việt chuẩn bị đánh thành để chiếm lại. Đại tá Rivière về lại Hà Nội và mang 500 quân đi đánh phủ Hoài Đức. Bị quân Cờ Đen phục kích, **Rivière tử trận**, quân Pháp thua và rút lại vào trong thành. Khi biết tin đại tá Rivière bị chết, từ sự do dự, chính phủ Pháp tăng chiến phí (5.5 triệu Fr.) và gởi thêm 3,000 quân với tàu chiến sang Việt Nam, với quyết định chiếm Bắc Việt.

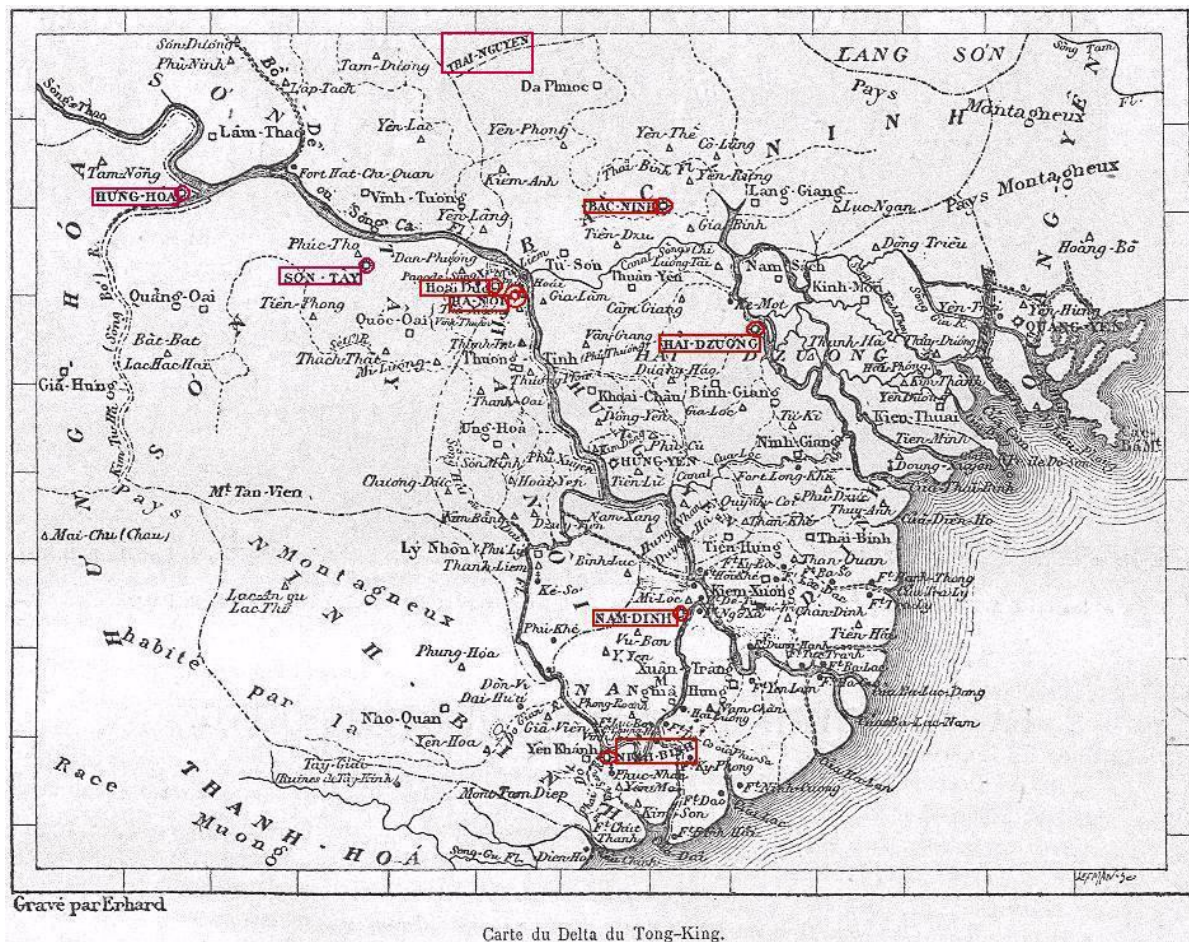
Thiếu tướng Bouet từ Nam kỳ được cử ra Bắc Việt, với 500 quân và tuyển mộ thêm lính tập bản địa. Chính phủ Pháp cử thêm Hải quân Thiếu tướng Courbet cùng một đoàn tàu chiến sang Việt Nam tiếp ứng cho quân Pháp, đồng thời cử Harmand là sứ thần của Pháp ở Xiêm La (Thái) sang làm toàn quyền.

*** Việc phế lập ở triều đình**

Vua Tự Đức mất ngày 16 tháng 6 năm Quý Mùi (1883), trong triều đình xảy ra sự phế lập, vua Dục Đức làm vua ba ngày, rồi tới vua Hiệp Hòa bị ép lên ngôi.

*** Pháp tấn công cửa Thuận An, hòa ước năm Quý Mùi 1883**

Khi vua Hiệp Hòa vừa bị ép lên ngôi thì tướng Coubert mang 7 tàu chiến tấn công cửa Thuận An. Thấy không chống lại được, nên triều đình phải ký hòa ước để nhận sự bảo hộ của Pháp, đây là **hòa ước năm Quý Mùi 1883**. Dù hòa ước đã ký, nhưng phe chủ chiến vẫn không đầu hàng, chiến sự vẫn diễn ra tại miền Bắc. Vua Hiệp Hòa làm vua được 4 tháng, thì bị hai quan phụ chính là Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết giết chết, hai ông này lập vua mới là Kiến Phúc.



Carte du Delta du Tong-King.

Bản đồ vùng trung du Bắc Việt 1873

Từ sách “La conquete du delta du Tong-King” (1877) của “Frederic Romanet du Caillaud”

Nguồn: http://collin.francois.free.fr/Le_tour_du_monde/textes/Indochine3/FRcaillaud1.htm

A.2.b- Quân Thanh tham chiến ở Bắc Việt

Tại miền Bắc, tháng 8 năm 1883, tướng Bouet mang quân tấn công quân Cờ Đen ở phủ Hoài Đức. Quân Cờ Đen chống cự rất mạnh, quân Pháp rút lại về Hà Nội, quân Cờ Đen kéo về Sơn Tây cùng với quân của Hoàng Kế Viêm và quân Thanh của hai tỉnh Vân Nam - Quảng Tây để phòng thủ thành này.

* Pháp chiếm Sơn Tây

Tháng 9, tướng Courbet làm “tư lệnh” quân Pháp tại Bắc Việt, tháng 12 năm 1883, ông có thêm 4000 lính Pháp, nâng tổng số quân lên 9000 người. Có thêm quân, tướng Courbet mang 5,500 quân đi đánh Sơn Tây, sau ba ngày giao tranh dữ dội, quân Pháp chiếm được Sơn Tây. Quân Việt và quân Thanh bỏ chạy, **quân Cờ Đen rút về Hưng Hóa**. Sau khi Sơn Tây thất thủ, một số lớn quân Thanh từ Quảng Tây đi qua Lạng Sơn đến tỉnh Bắc Ninh đóng quân. Một tháng sau lại có 12,000 quân Thanh do Sầm Dục Anh lãnh đạo, từ Vân Nam vào Việt Nam qua đường Lào Cai đến Hưng Hóa hợp với quân Cờ Đen của Lưu Vĩnh Phúc, lúc này quân Cờ Đen có quân số khoảng 3,000 người. **Tổng số quân Thanh và quân Cờ Đen tại Bắc Việt lên đến khoảng 50,000 người đóng từ Hưng Hóa, Thái Nguyên đến Bắc Ninh.**

* Pháp chiếm Bắc Ninh

Tướng Courbet được thăng trung tướng, thuyền chuyển về lại hải quân để coi đoàn chiến hạm vùng Viễn Đông. Trung tướng Millot được cử sang để thay thế, quân Pháp được tăng lên đến 16,000 người. Vừa sang đến Bắc Việt làm “tư lệnh”, tướng Millot liền mang quân **tấn công Bắc Ninh**, đoàn quân chia làm hai đạo tiến đánh, Bắc Ninh thất thủ, quân Thanh rút lên vùng Thái Nguyên, quân Cờ Đen chạy về Hưng Hóa.

*** Pháp chiếm Hưng Hóa, Thái Nguyên và Tuyên Quang**

Quân Pháp **đánh Thái Nguyên**, quân Thanh thua chạy cũng kéo về Hưng Hóa. Quân Pháp tấn công và chiếm **Hưng Hóa, quân Thanh và quân Cờ Đen bỏ chạy về vùng Tuyên Quang**. Hoàng Kế Viêm theo đường núi về lại Huế. Quân **Pháp đánh Tuyên Quang**, quân Cờ Đen bỏ thành chạy.

*** Hòa ước Fournier 1884**

Tới lúc này thì các tỉnh miền Trung du Bắc Việt đều do quân Pháp chiếm đóng, tuy nhiên quân Tàu vẫn còn đóng quân ở các tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng và Lào Cai. Chính phủ Pháp muốn dùng ngoại giao hòa hoãn để nhà Thanh công nhận sự bảo hộ của Pháp ở Việt Nam. Pháp sai Fournier sang gặp Lý Hồng Chương để điều đình. Tháng 4 năm 1884, **hòa ước Fournier** được ký với điểm chính là quân Thanh phải rút về và Trung Hoa chấp thuận việc Pháp bảo hộ Việt Nam.

*** Hòa ước Patrenôtre 1884 (hòa ước Giáp Thân)**

Công sứ Pháp là Patrenôtre đến Huế để điều đình và điều chỉnh lại hòa ước năm Quý Mùi 1883 do Harmand ký. **Hòa ước Patrenôtre** hay cũng gọi là **hòa ước Giáp Thân**, được ký kết tháng 6 năm 1884. Patrenôtre đòi hỏi phải hủy ấn của Trung Hoa phong cho Việt Nam từ thời vua Gia Long, để chấm dứt sự thần phục Trung Hoa và hoàn toàn do nước Pháp bảo hộ, ấn đã bị nấu chảy trước sự kiểm chứng của người Pháp. Với hòa ước này, Việt Nam bị chia thành ba xứ với cách cai trị khác nhau là Nam Kỳ, Trung Kỳ và Bắc Kỳ.

Tại Huế, quyền hành đều nằm trong tay hai ông Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường. Vua Kiến Phúc sau 6 tháng làm vua thì qua đời tháng 4 năm 1884. Hai ông Tường và Thuyết lập vua mới là Hàm Nghi.

*** Trận Bắc Lệ**

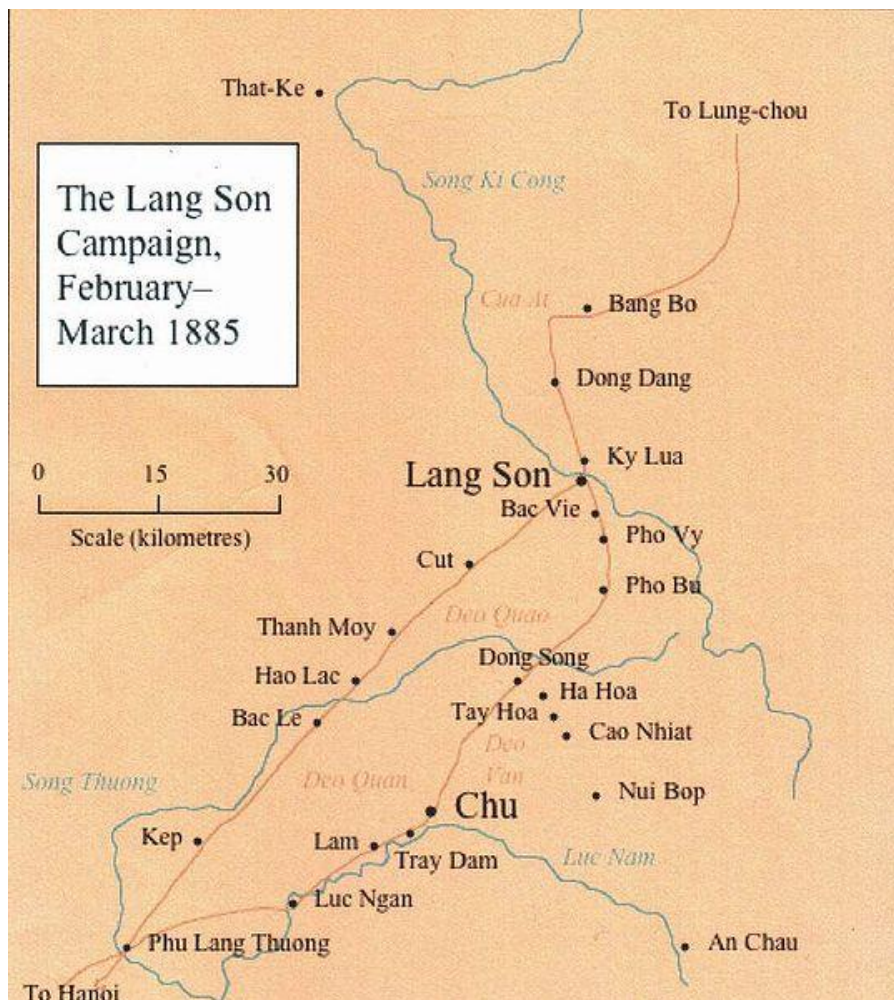
Tại Bắc Kỳ, sau hòa ước Fournier khoảng 1 tháng, quân Pháp thi hành theo như hòa ước này, nên tướng Millot cử trung tá Dugenne đưa 800 quân đến Lạng Sơn để tiếp nhận. Tới làng **Bắc Lệ** cách thành Lạng Sơn 30 km, thì quân Thanh tấn công, quân Pháp phải rút lui. Tướng Millot sai thiếu tướng De Négrier mang quân lên tiếp ứng, nhưng quân Pháp không tiến thêm dợi có thêm quân, vì quân Thanh càng lúc càng có thêm đông từ Trung Hoa qua.

*** Pháp đánh Phúc Châu và trận hải chiến ở Thạch Phô (Shipu)**

Vì quân Thanh làm trái với hòa ước nên chiến tranh vẫn tiếp tục. Tướng Courbet mang hạm đội của mình đến **Phúc Châu** (Fuzhou) tỉnh Phúc Kiến, vào sông Mân rồi tiêu diệt hạm đội cũng như các công binh xưởng của nhà Thanh ở đây, sau đó đưa chiến hạm ra chiếm Cơ Long (Keelung, cửa biển phía bắc Đài Loan), quần đảo Bành Hồ (phía tây Đài Loan, Penghu) và vây Đài Loan. Hạm đội Nam Dương từ Thượng Hải xuống để phá vòng vây, nhưng bị hạm đội của tướng Courbet đánh chìm gần hết ở Thạch Phô (Shipu), gần Ninh Ba (Ningpu) tỉnh Chiết Giang.

*** Trận chiến ở đồn Chũ, đồn Bảo Lạc và đồn Kép**

Ở Bắc Kỳ, tướng Millot về Pháp trao quyền cho tướng Brière de l'Isle, cùng với 6000 quân mới từ Pháp sang, nâng số quân Pháp ở Bắc kỳ lên 20,000 người. Có thêm quân tiếp viện, quân Pháp do tướng De Négrier **đánh đồn Chũ, đồn Bảo Lạc và đồn Kép**, quân Thanh thua bỏ chạy về Lạng Sơn và Quảng Yên. Ba tháng sau, quân Thanh lại kéo đến đóng ở vùng An Châu. Trung tướng Brière de l'Isle cử thiếu tướng De Négrier tiến đánh quân Thanh ở **núi Bóp**, quân Thanh thua chạy về Lạng Sơn.



http://upload.wikimedia.org/wikipedia/vi/4/4d/B%E1%BA%A3n_%C4%91%E1%BB%93_L%E1%BA%A1ng_S%C6%A1n.jpg

* Pháp chiếm Lạng Sơn

Đầu năm 1885, quân Pháp chia làm hai đoàn quân tiến đánh Lạng Sơn. Một đoàn quân do tướng De Négrier chỉ huy đã chiếm được Lạng Sơn rồi tiến lên đánh Đồng Đăng, quân Thanh bỏ chạy. Tướng De Négrier tiến đến ải Nam Quan, **phá sập cổng của ải** rồi kéo quân về Lạng Sơn.

Khi quân Pháp đang có chiến sự ở Lạng Sơn, quân Thanh và quân Cờ Đen kéo đến tấn công thành Tuyên Quang, quân Pháp cố giữ thành. Tướng Brière de l'Isle mang quân tiếp ứng để cứu Tuyên Quang. Quân Thanh và quân Cờ Đen thua chạy.

* Pháp mất Lạng Sơn

Tháng 2 năm 1885, đề đốc Quảng Tây là Phùng Tử Tài mang quân từ Long Châu sang đánh Đồng Đăng. Tướng De Négrier mang quân lên cứu. Mấy ngày sau quân Thanh lại tràn qua đánh nữa, tướng De Négrier bị thương nặng phải trao quyền cho trung tá Herbingier. Quân Thanh kéo đại quân sang đánh Kỳ Lừa kế Lạng Sơn, quân Pháp chống không nổi phải bỏ **Lạng Sơn** rút về đồn Chũ và đồn Kép. Quân Thanh chiếm được Lạng Sơn nhưng không tiến xa thêm, còn quân Cờ Đen thì đánh phá ở vùng Hưng Hóa. Việc mất Lạng Sơn là một trong những nguyên nhân đưa đến hoà ước giữa chính phủ Pháp và nhà Thanh.

A.3- Các hiệp ước và công ước Pháp - Thanh về biên giới

A.3.a- Hiệp ước Thiên Tân 1885.

Năm 1884, mặc dù Fournier đã đến Thiên Tân để ký hòa ước với Lý Hồng Chương đại diện cho Tổng Lý Nha Môn (tương đương với bộ Ngoại Giao) của nhà Thanh, nhưng chiến tranh vẫn tiếp diễn do quân đội nhà Thanh không thi hành hòa ước này. Khi tướng Brière de l'Isle biết Lạng Sơn bị mất, gửi điện tín về Pháp thông báo và xin thêm viện binh, sự việc này làm náo động quốc hội Pháp, thủ tướng Jules Ferry phải từ chức. Nội các mới của Pháp thấy chiến tranh với nhà Thanh không có lợi nên tìm cách để ngưng chiến. Từ chủ trương này, hòa ước Thiên Tân được ký kết giữa chính phủ Pháp và nhà Thanh ngày 9 tháng 6 năm 1885, do ông Lý Hồng Chương đại diện Thanh triều và ông Patenôtre đại diện chính phủ Pháp. Chiến tranh Pháp-Thanh chấm dứt sau khi hòa ước này được ký. Quân Thanh cũng như quân Cờ Đen của Lưu Vĩnh Phúc rút về Trung Hoa, quân Pháp gần như hoàn toàn kiểm soát Bắc Kỳ, Việt Nam không còn là một chư hầu của Trung Hoa và ngưng hẳn lệ triều cống.

Hiệp ước này gồm 10 điều khoản viết bằng tiếng Pháp và chữ Hán, đặc biệt là điều khoản liên quan đến biên giới Việt-Trung:

Điều khoản 3: *Trong thời hạn 6 tháng kể từ khi ký hiệp ước này, các uỷ viên do các bên ký kết chỉ định sẽ đến tại chỗ để công nhận đường biên giới giữa Trung Hoa và Bắc Kỳ. Hai bên sẽ cắm mốc ở những nơi xét ra cần thiết để đường biên giới được rõ ràng. Trong trường hợp hai bên không thỏa thuận về việc cắm mốc hay nếu có những điều chỉnh về chi tiết với đường biên giới hiện nay vì lợi ích chung cho hai nước, các uỷ viên sẽ báo cáo cho chính phủ hai bên cùng biết.*

Ủy ban phân định biên giới của Pháp và nhà Thanh được thành lập tháng 8 năm 1885.

Thực tế, việc phân định đường biên giới trên thực địa đã gặp nhiều khó khăn, từ những trở ngại về thiên nhiên, đến những cản trở của phía Trung Hoa và các nhóm thổ phỉ trên vùng biên giới đã làm công việc phân định biên giới từ “*thời hạn 6 tháng*” kéo dài thành 10 năm.



(Hình sao lại từ trong sách Biên Giới Việt-Trung 1885-2000, trang 64, của tác giả Trương Nhân Tuấn)

Phái đoàn của Pháp:

- Ông Bourcier de Saint-Chaffay (Chủ tịch phái đoàn Pháp, ngồi chính giữa).
- Bác Sĩ Paul Néis (đứng ngoài cùng bên trái)
- Trung tá Bouinais (đứng chỗ thứ hai từ bên trái).
- Ông Haitce (đứng chính giữa)
- Ông Hart (đứng chỗ thứ ba từ bên phải)
- Trung tá Tisseyre (đứng chỗ thứ hai từ bên phải).
- Ông Delenda (đứng ngoài cùng bên phải)

Phái đoàn của Trung Hoa:

- Li Ping-Heng (Tuần phủ Quảng Tây, ngồi ngoài cùng bên trái).
- Ông Teng Tcheng-Sieou (Chủ tịch phái đoàn Trung Hoa, ngồi chỗ thứ hai từ bên trái)
- Ông Wang Tche-Tchouen (ngồi chỗ thứ hai từ bên phải).
- Ông Li Hing-Jouei (ngồi ngoài cùng bên phải).
- Ông Li Cheou-Tien (thông ngôn của phái đoàn Trung Hoa, đứng chỗ thứ ba từ bên trái).

A.3.a- Phân định biên giới tỉnh Lạng Sơn của Việt Nam với tỉnh Quảng Tây

Theo tường thuật của BS Neis trong sách “*Sur Les Frontières Du Tonkin*”, ông là một người trong ủy ban này, việc phân định đầu tiên là ở vùng biên giới giữa tỉnh Lạng Sơn của Việt Nam với tỉnh Quảng Tây của Trung Hoa, trước nhất là biên giới quanh vùng Nam Quan.

1- Sơ lược về lịch sử của Nam Quan

Hậu thế chúng ta không biết rõ cửa ải Nam Quan có từ khi nào, chỉ biết là tướng nhà Đông Hán là Mã Viện mang quân sang đánh Hai Bà Trưng qua cửa ngõ này. Từ khi Việt Nam được độc lập sau chiến thắng ở sông Bạch Đằng của Ngô Vương Quyền (938) đến thời nhà Tiền Lê, không thấy sử Việt đề cập tới.

Tới thời nhà Tiền Lê, Đại Việt Sử Ký Toàn Thư (ĐVSKTT) viết về việc đánh Tống của vua Lê Đại Hành (Lê Hoàn 941-1006): Ông Ngô Sĩ Liên (thời Lê Thái Tông 1434-1442) dựa vào bộ sử “Đại Việt Sử Ký” của Lê Văn Hưu (1230-1322) đã viết: Năm 981 “*Mùa xuân, tháng 2, Hầu Nhân Bảo, Tôn Hoàng Hưng đến Lạng Sơn, Trần*

Khâm Tộ đến Tây Kết, Lưu Trừng đến sông Bạch Đằng. Vua tự làm tướng đi chặn giặc, sai quân sĩ đóng cọc ngăn sông Chi Lăng. ...

Giang Nam chuyển vận sứ của nhà Tống là Hứa Trọng Tuyên đem việc Nhân Bảo thua chết tâu lên. Vua Tống xuống chiếu rút quân về, sai sứ quả trách bọn Lưu Trừng, Giả Thực, Vương Soạn. Trừng ốm chết, Soạn bị giết ở Ung Châu, Tôn Hoàng Hưng cũng bị giết bên ở chợ”. Lúc này cửa quan ở Lạng Sơn được phòng thủ để chống quân nhà Tống.

- Trong ĐVSKTT, năm 1406: “Tháng 9, nhà Minh sai Chinh Di hữu phó tướng quân đeo ấn Chinh di phó tướng quân Tân Thành hầu Trương Phụ, Tham tướng Huỳnh Dương Bá Trần Húc, đem 40 vạn quân đánh vào cửa **ải Pha Lũy** cử một toán mai phục, một toán hành quân, thay nhau phiên nhau cứu ứng lẫn nhau”.

Năm 1427: “Mùa hạ, tháng 6, ngày mùng 10, trấn thủ Quảng Tây Chinh man tướng quân Trần Viễn hầu Cố Hưng Tổ của Nhà Minh đem 5 vạn quân, 5 nghìn cỗ ngựa, từ Quảng Tây sang cứu viện các thành. Đến cửa **ải Pha Lũy** bị tướng giữ ải Lê Lựu, Lê Bôi đón đánh ngay tại cửa ải, phá tan quân giặc, chém hơn 3.000 thủ cấp, bắt được 500 ngựa. Hưng Tổ thua to chạy về.”

Ông Lê Quý Đôn (1726–1784) đã viết trong Văn Đài Loại Ngữ, ở điều 81 ⁴ viết: “*Phía bắc nước ta giáp nội địa Trung Quốc có 3 cửa quan giao thông :*

1- *Mạn trên có cửa Thủy khẩu (thuộc Cao Bằng)*

2- *Mạn giữa có cửa ải Bình nhị quan (thuộc huyện Thất Khê)*

3- *Mạn dưới có cửa Trấn Nam (thuộc Lạng Sơn). Ba cửa ấy là nơi xung yếu.*

Tôi sang sứ Trung Quốc; có chép được các bài ký: “Trùng tu Nam Quan ký” (bài ký về việc sửa lại Nam Quan) củ Tuần phủ Lý Công Phát, và bài “Tuần duyệt An Nam biên ải ký” của quan Án Sát Hoàng Nhạc Mục.”

Sách Phương Đình Địa Dư Chí của ông Nguyễn Văn Siêu (1799-1872) viết về Nam Quan:

“Pha Lũy dịch: Ở phía bắc châu Văn Uyên 100 dặm, cũng gọi là Pha Lũy quan. Từ Bằng Tường vào An Nam tất phải qua đường này, nay gọi là Pha Dữ trạm.”

Theo Đại Nam Nhất Thống Chí (1882) đoạn nói về ải Nam Quan ⁵:

“Cửa quan Nam Giao: cách tỉnh thành 31 dặm về phía bắc, ở địa phận 2 xã Đồng Đăng và Bảo Lâm thuộc châu Văn Uyên, phía bắc giáp địa giới với châu Bằng Tường tỉnh Quảng Tây nước Thanh, tức là chỗ mà người Thanh gọi Trấn Nam Quan. Cửa này dựng từ năm Gia Tĩnh nhà Minh, đến năm Ung Chính thứ 3 (1725) nhà Thanh, án sát tỉnh Quảng Tây là Cam Nhữ Lai tu bổ lại có tên nữa là “Đại Nam Quan”, phía đông là một dải núi đất, phía tây là một dải núi đá, đều dựa theo chân núi xây gạch làm tường, gồm 119 trượng, cửa quan đặt ở quãng giữa có biển đề “Trấn Nam Quan”, dựng từ năm Ung Chính thứ 6 (1728) triều Thanh, có một cửa, có khóa, chỉ khi nào có công việc của sứ bộ mới mở. Bên trên cửa có trùng đài, biển đề 4 chữ “Trung ngoại nhất gia”, dựng từ năm Tân Sửu (1781) đời Càn Long nhà Thanh. Phía bắc cửa có Chiêu Đức đài, đằng sau đài có Đình tham đường (nhà dừng ngựa), của nước Thanh; phía nam có Ngưỡng Đức đài của nước ta, bên tả bên hữu đài có hai dãy hành lang, mỗi khi sứ bộ đến cửa quan thì dùng chỗ này làm nơi tạm nghỉ.”

Qua những trích dẫn, chúng ta biết là ải Nam Quan đã có từ thời nhà Hồ với tên là “ải Pha Lũy” khi quân nhà Minh kéo sang tấn công Việt Nam. Tên này sau đổi thành ải “Trấn Nam” hay “Trấn Nam Quan”.

⁴ Văn Đài Loại Ngữ, trang 160, bản in của nhà sách Tự Lực,

⁵ Đại Nam Nhất Thống Chí, nhà xuất bản Thuận Hóa, tập 4, trang 384



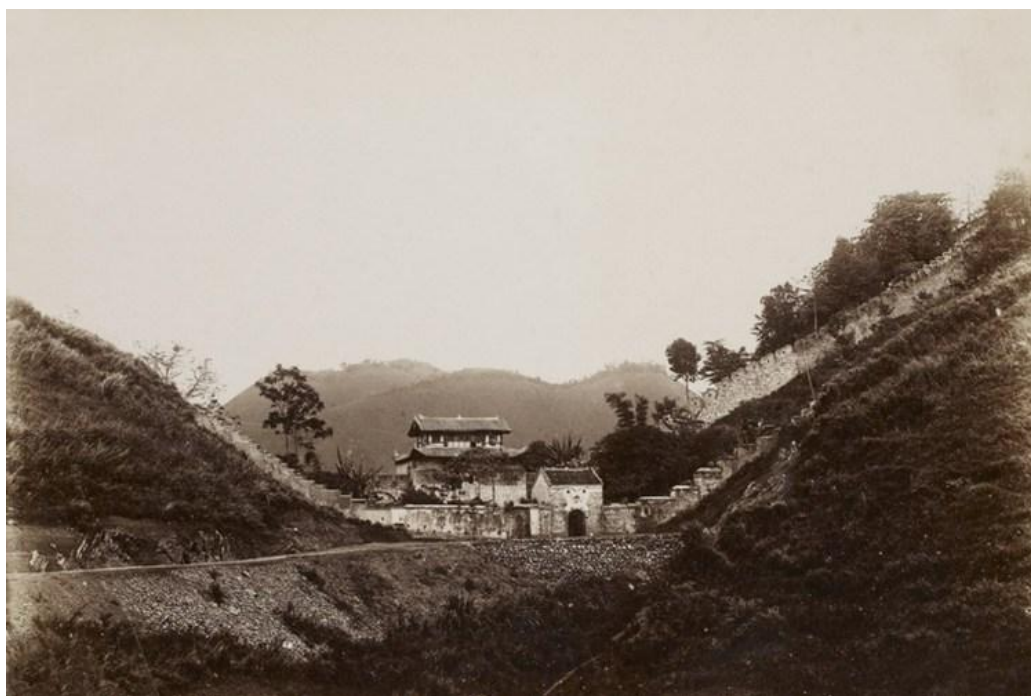
Prise de la porte de Chine par le général de Négrier (28 février 1885).



La Porte de Chine après sa destruction.

Hình Ai Nam Quan trước và sau khi bị phá sập năm 1885

(Hình từ sách “*Le combat du General de Negrier au Tonkin*” của Dick de Lonlay, trang 125 và trang 136, in tại Paris năm 1889).

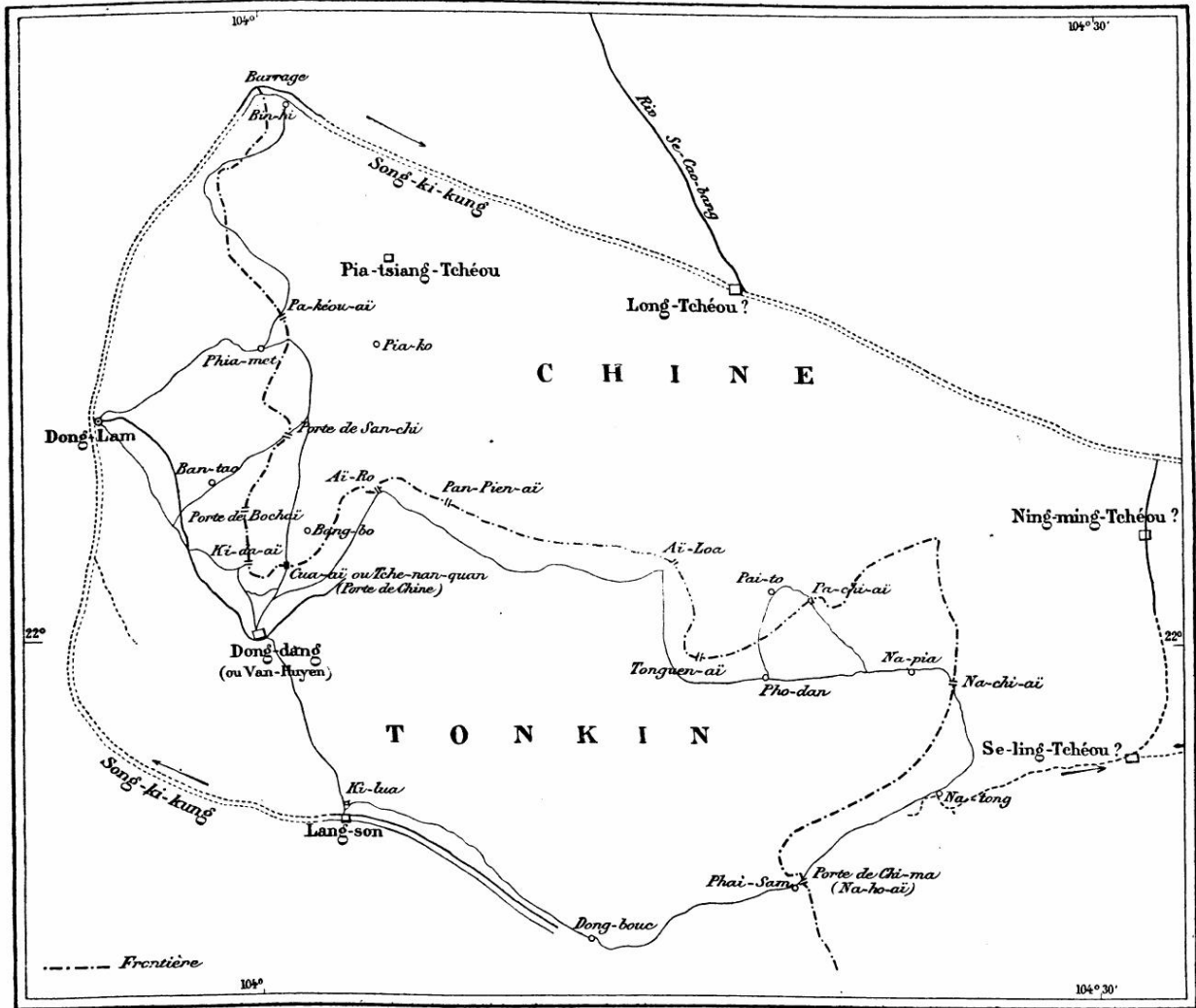


Hình Nam Quan năm 1896, được xây lại sau khi bị phá sập.

Ghi chú: Cổng hai tầng và tường bên trái là của Trung Hoa, cổng và tường bên phải là của Việt Nam, đường biên giới nằm giữa hai cổng và tường.

2- Phân định biên giới vùng ải Nam Quan.

Cuộc họp của ủy ban phân định biên giới của Pháp do ông **Bourcier de Saint-Chaffay làm chủ tịch** và của Trung Hoa do Teng Tcheng-Sieou (Tăng Thành? Siêu) đã diễn ra tại Đồng Đăng ngày 12 tháng 12 năm 1885. Sau cuộc họp dằng dai với những đòi hỏi quá đáng của phía Trung Hoa, hai phái đoàn hẹn gặp nhau tại Nam Quan (BS Neiss viết là “Port de Chine”) ngày 20 tháng 3 năm 1886 để phân định biên giới. Lên đến Nam Quan, phái đoàn Pháp đã đồng ý nhượng cho Trung Hoa khoảng 100-150 m về phía nam trước cổng.



Carte de la frontière du Kouang-si entre Chima et Binhhi.

Sau khi phân định về Trấn Nam Quan, phái đoàn đến ải rô (Ai-Rô) và những ải gần đó để xác định vị trí. Ngày 24 tháng 3 (năm 1886) đến ải Loa (Ai-Loa) của Trung Hoa để kiểm chứng và ký biên bản. Sau đó phái đoàn đến ải Chí Mã (port de Chi-ma) ngày 31 tháng 3 để kiểm chứng, vẽ bản đồ, ký biên bản và trở về Đồng Đăng.

2- Phân định biên giới vùng ải Nam Quan đến ải Bình Nhi.

Ngày 8 tháng 4 năm 1886, hai phái đoàn gặp nhau trên đường đi về hướng ải Bình Nhi (Bin-hi). Qua khỏi ải Ki Đà (Ki-da ai), đến ải Bồ Sa (Port de Bo-chai), dân 4 làng người Việt đến kêu nài là Trung Hoa đã di chuyển ải này làm họ bị thuộc vào Trung Hoa. Phái đoàn Pháp phản đối, Trung Hoa đã phải dời cửa ải về chỗ cũ và trả đất lại cho Việt Nam. Ngày 12 tháng 4 năm 1886, hai phái đoàn đến ải Bình Nhi, kiểm chứng và ký biên bản với bản đồ đính kèm. Sau đó phái đoàn Pháp trở về Hà Nội.

Cuộc phân định biên giới này về chiều dài không đáng kể (khoảng 1/5) so với biên giới của Lạng Sơn và Quảng Tây. Trong việc phân định, phía Việt Nam không có ai hiện diện, hoàn toàn do Pháp và Trung Hoa chủ trương, Việt Nam mất một số đất tại Nam Quan.

Sau việc phân định này, ông Bourcier de Saint Chaffray từ chức, chính phủ Pháp cử ông Dillons làm chủ tịch phái đoàn phân định biên giới.

Ủy ban phân định biên giới bị chia làm hai, một phái đoàn đi phân định biên giới vùng Lào Cai/Vân Nam, một phái đoàn đi phân định biên giới vùng Hải Ninh/Quảng Đông.

A.3.b- Phân định biên giới tỉnh Lào Cai của Việt Nam với tỉnh Vân Nam của Trung Hoa

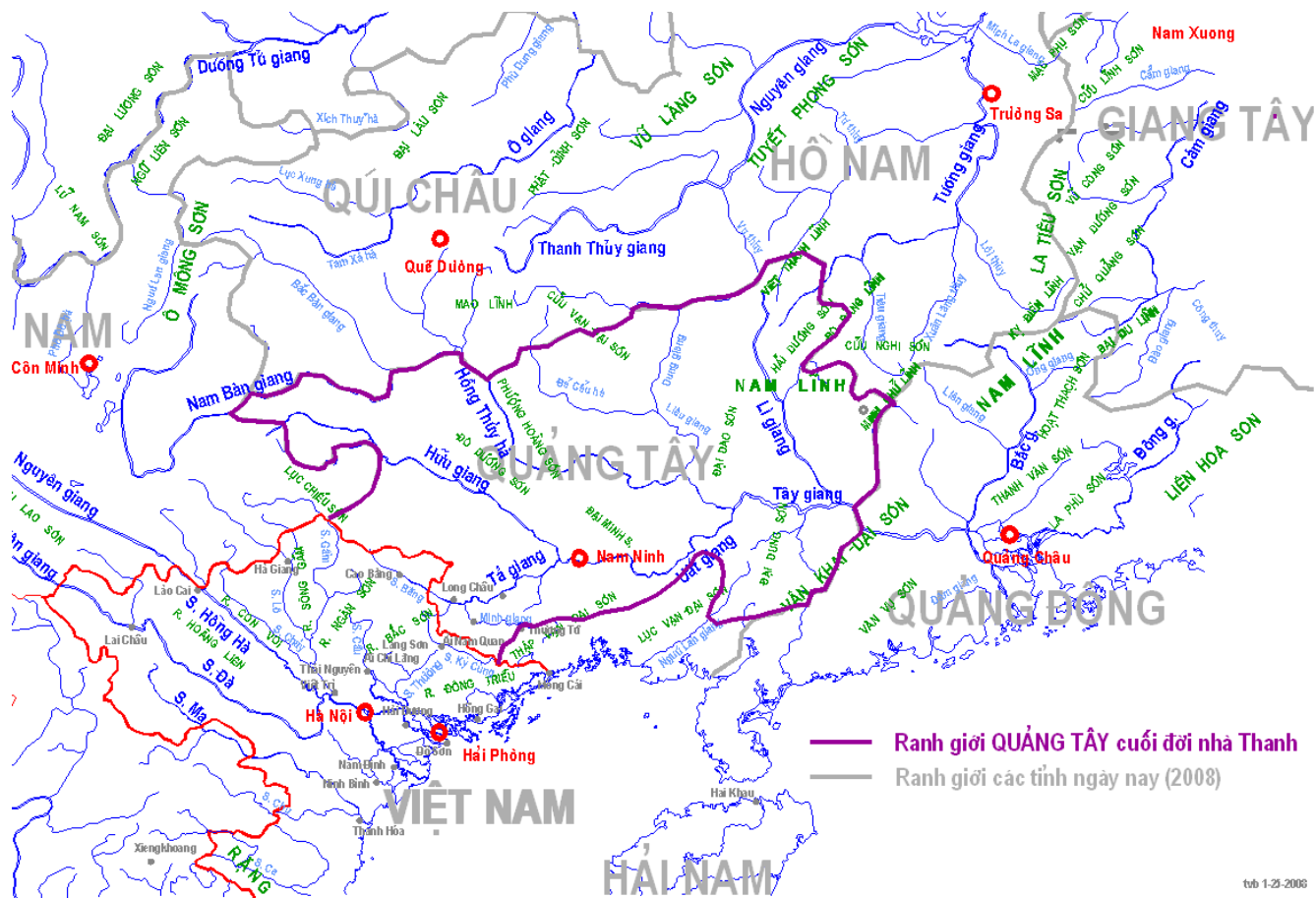
Ngày 23 tháng 7 năm 1886 là ngày họp đầu tiên của ủy ban phân định biên giới Pháp với phía Trung Hoa về biên giới Lào Cai với Vân Nam. Ngày 1 tháng 8 năm 1886, hai phía đã chấp nhận hữu ngạn sông Hồng thuộc Việt Nam và tả ngạn thuộc Trung Hoa, cùng với đoạn sông Nậm Si (Nam-si) gần thị xã Lào Cai là đường biên giới. Tuy nhiên chỗ biên giới trên sông Hồng của Việt Nam sẽ ngừng ở đâu? Đây là một việc cần phải được kiểm chứng rõ ràng.

Ủy ban phân định biên giới Pháp ngược theo sông Hồng để đi đến Lùng-Po, nơi có sông nhỏ là Lùng-po (Long-po-ho) ở phía hữu ngạn của sông Hồng, sông này sẽ là đường biên giới nối tiếp với sông Hồng. Đến làng Tiên Phong thì ủy ban bị “thổ phỉ Trung Hoa” phục kích, một chiếc thuyền bị cháy, hai sĩ quan và một số đông lính cùng những người đi theo bị sát hại. Sau đó ủy ban lại bị một cuộc phục kích thứ hai gây thêm thiệt hại cho phái đoàn của Pháp.

Việc đi đến sông Lùng-po để kiểm chứng biên giới vùng này đã không hoàn tất. Ủy ban trở về lại Lào Cai. Cuối tháng 10 năm 1886, ủy ban trở về Hà Nội



Ghi chú: Tỉnh Hải Ninh là nay là Quảng Ninh. Vùng tỉnh Quảng Đông tiếp xúc với tỉnh Hải Ninh của Việt Nam nay là Quảng Tây.



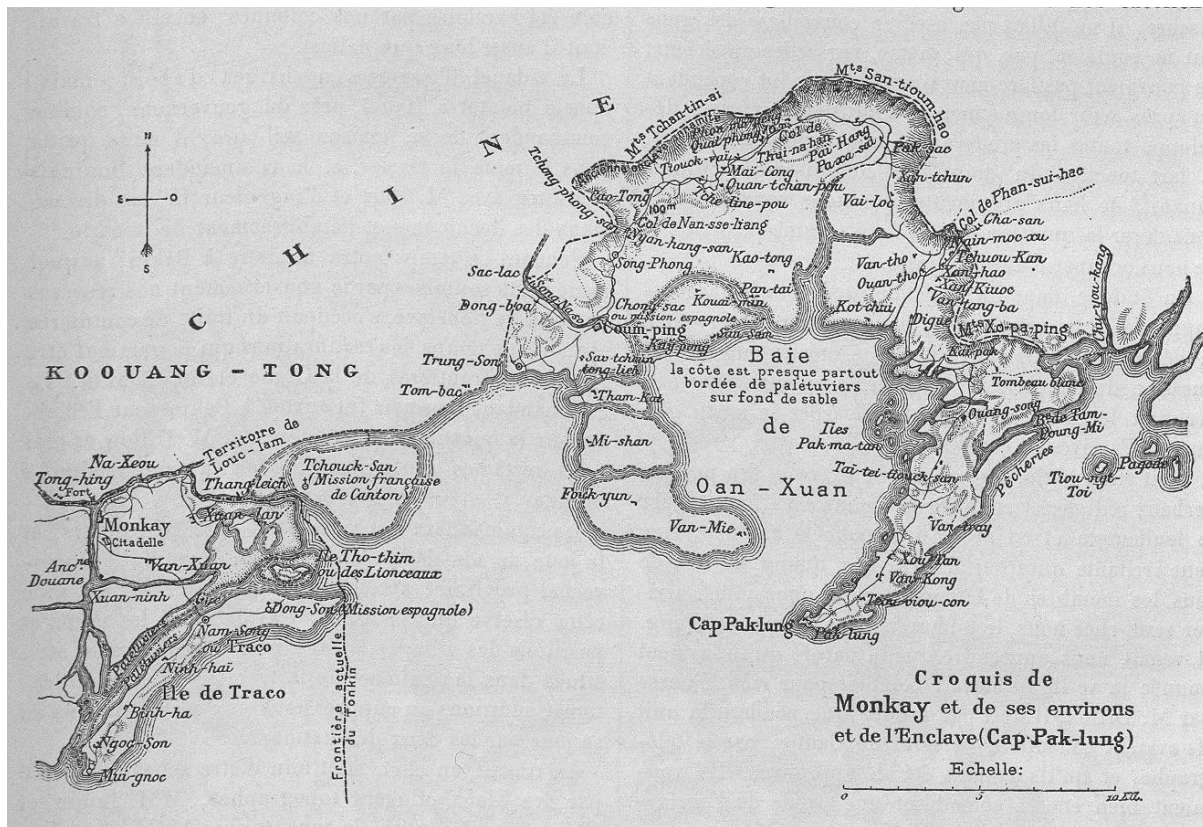
Ranh giới tỉnh Quảng Tây/ Quảng Đông từ thời nhà Thanh đến đầu thế kỷ 20.

Bản đồ có tính cách tượng trưng

Tháng 10 năm 1886, ông Haítce được cử đi đến Móng Cái để khảo sát về việc phân định biên giới ở vùng này. Thị xã Móng Cái lúc này hầu hết là do người Trung Hoa cư ngụ, cuối tháng 11 năm 1886, tại đây ông Haítce với một số tùy tùng bị người Trung Hoa giết. Pháp mang quân lên trấn thủ Móng Cái, lập nhiều đồn phòng ngự.

Ủy ban phân định biên giới họp để kiểm chứng về vùng biên giới từ Móng Cái đến mũi Bạch Long (Pak-lung) và đường biên giới Lưỡng Quảng.

Ngày 29 tháng 3 năm 1887, ông Dillons và phái đoàn phân định biên giới hai bên ký biên bản hoạch định biên giới giữa các tỉnh của Việt Nam, giáp giới với Quảng Đông và Quảng Tây của Trung Hoa. Vùng đất Giang Bình và vùng mũi Bạch Long bị nhượng cho Trung Hoa.



<http://upload.wikimedia.org/wikipedia/commons/9/92/Paklung413.jpg>

Vùng phía đông của tỉnh Quảng Ninh bị Pháp nhượng cho Trung Hoa

A.4- Công ước Pháp-Thanh 1887

Công ước Pháp - Thanh 1887 cũng gọi là Công ước Constans được ký tại Bắc Kinh ngày 26 tháng 6 năm 1887, giữa ông Constans là đại diện chính phủ Pháp, với đại diện Trung Hoa là Khánh Thân vương Dịch Khuông (Yi-K'uang) chủ tịch Tổng Lý Nha Môn của nhà Thanh. Công ước này được ký để thi hành điều khoản 3 của hòa ước Thiên Tân 1885, về việc cấm mốc đường biên giới Việt - Trung. Công ước này được coi như biên bản đề tường trình về việc phân định đường biên giới trên đất liền. Đây là một văn bản pháp lý đầu tiên xác định về đường biên giới giữa hai nước Việt Nam và Trung Hoa, gồm có các tài liệu:

- Nội dung bản công ước.
- Bản đồ phân định vùng biển Việt - Trung trong vịnh Bắc Việt.
- Bản đồ phân định vùng biên giới Việt - Trung trên đất liền

Nội dung của công ước 1887:

* Nêu ra đường biên giới trên đất liền, với sự nhượng bộ của Pháp về những vùng đất của Việt Nam như: a- Vùng phía đông của tỉnh Quảng Ninh gồm có hai tổng Kiến Duyên và Bát Tràng, vùng Giang Bình (Coum-Ping), vùng vịnh Vạn Xuân (Baie Oan-Xuan) với các đảo và vùng mũi Bạch Long (Cap Pak-Lung) thuộc tỉnh Hải Ninh xưa. b- Vùng Tự Long phía tây tỉnh Hà Giang hơn 700 km² với nhiều khoáng sản. c- Một nửa vùng Tây Bắc. Công ước này đã ký khi **những giám định về thực địa và việc cấm mốc chưa được thi hành và vẫn còn rất nhiều trở ngại về việc xác định đường biên giới.**

* Nêu ra đường biên giới **trong vịnh Bắc Việt** từ vùng cửa sông Bắc Luân xuống phía nam theo kinh độ Paris 105° 43', tương đương với kinh độ Greenwich 108° 03', đi qua phía đông đảo Trà Cổ.

A.5- Việc cắm mốc đường biên giới Việt-Trung

Việc cắm mốc đường biên giới chia làm năm giai đoạn ⁶

A.5.a- Cắm mốc vùng Quảng Đông: Từ năm 1889 đến năm 1890

Trong giai đoạn này Thiếu tá Chiniac De Labastide làm chủ tịch phái đoàn của Pháp và Li Sheou-Toung làm chủ tịch phái đoàn Trung Hoa.

Phái đoàn Pháp dùng tài liệu của ông G. Déveria, người viết sách “*La frontière Sino-Annamite*” (1886), ông Déveria tham khảo sách “*Đại Thanh Nhất Thống Chí*” của Trung Hoa, với vị trí núi Phân Mao cách Khâm Châu 360 dặm về phía tây nam, trong khi cũng sách này của triều Nguyễn dưới thời Tự Đức là 3 dặm: Thiếu tá Labastide viết ⁷ “*Ông Déveria, trong quyển sách rất thông thái của ông về vấn đề biên giới Việt-Trung, cho thấy là ngọn núi mang tên này thì ở cận bên đường biên giới của hai nước*”. Vì thế việc cắm mốc vùng này đã bị trở ngại rất nhiều: “*Đặc biệt riêng về Phân Mao Lãnh thì quan trọng nhất cho việc xác định đường biên giới...Dữ kiện duy nhất mà chúng ta có được liên quan đến vấn đề này là của ông Déveria, theo vài tác giả, thì núi Phân-Mao Lãnh có thể ở cách Khâm-Châu khoảng 360 lí, tức 140 Km. Đơn vị lí được tính là 400 m trong tác phẩm của ông Déveria*”.

Sau những tranh luận lâu dài, ngày 1 tháng 11 năm 1889 hai bên ký biên bản và cắm mốc. Biên bản được xác định như sau:

- Những đảo ở phía tây kinh tuyến Paris 105°43' (trong vịnh Bắc Bộ, tương đương 108°03' theo kinh tuyến Greenwich) thuộc Việt Nam, phía đông kinh tuyến này thuộc Trung Hoa.

- Đường biên giới theo dòng sông Bắc Luân đi qua giữa Móng Cái của Việt Nam và Đông Hưng của Trung Hoa, theo sông về phía tây bắc. Đoạn biên giới được phân định này từ cửa sông Bắc Luân (sông Gia Long) đến hợp lưu của sông này (tại Bắc Phong Sinh) với 10 cột mốc phía Việt Nam và 10 cột mốc phía Trung Hoa. Tuy nhiên, từ đây đến ải Bắc Cương vẫn không được hai bên thỏa thuận, vì sự đòi hỏi quá đáng của phái đoàn Trung Hoa.

Việc cắm mốc đến ải Bắc Cương sẽ được thi hành sau năm 1894, khi Đại tá Galliéni làm chủ tịch phái đoàn của Pháp.

A.5.b- Cắm mốc biên giới phía đông Quảng Tây: Từ năm 1891 đến năm 1892

Từ tháng 1 năm 1890 đến tháng 12 năm 1891 ủy ban phân định do ông Flandin làm chủ tịch. Các mốc giới “tạm” đã được cắm theo 3 đoạn biên giới từ ải Bắc Cương tới ải Chí Mã, từ ải Chí Mã tới Nam Quan và từ Nam Quan đến ải Bình Nhi. Tổng cộng 68 cột mốc được cắm.

⁶ Tham khảo theo tài liệu của tác giả Trương Nhân Tuấn trong các bài viết: “*Biên giới Việt-Trung theo các công ước về biên giới Pháp-Thanh 1885-189*” và “*Biên Giới Việt Nam: vùng tiếp giáp tỉnh Quảng Tây*” mà tác giả lấy được từ VCAOM (Centre des archives d'Outre-Mer), Văn khố Đông dương của Pháp tại Aix-en-Provence.

⁷ Theo như thư của Thiếu tá Chiniac De Labastide gửi cho Toàn Quyền Đông Dương ngày 12 tháng 9 năm 1890. Tài liệu và bản dịch của tác giả Trương Nhân Tuấn.

A.5.c- Vẽ bản đồ, trắc địa biên giới tỉnh Quảng Tây và Vân Nam: Từ năm 1892 đến năm 1893

Từ tháng 1 năm 1891 đến tháng 12 năm 1894, ủy ban phân định biên giới do Đại tá Servière làm chủ tịch. Nhiệm vụ của ông là vẽ bản đồ, trắc địa biên giới các vùng phía bắc tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang và Lào Cai để tiện lợi cho việc cắm mốc sau này. Vì vùng hữu ngạn sông Hồng, theo như công ước 1887 do tỉnh Vân Nam quản trị, đã gây ra sự chống đối của các đầu lĩnh dân tộc thiểu số ở đây. Vì thế, đại tá Servière từ chối trắc địa vùng này. Việc này đưa đến công ước bổ túc cho công ước 1887, đó là công ước Gérard năm 1895.

“Tháng 12 năm 1891, toàn quyền Lanessan quyết định cho thành lập những khu quân sự trên toàn cõi Đông Dương. Vùng biên giới được chia làm nhiều phân khu và công việc phân giới được giao cho các vị chỉ huy trưởng. Những vị này có thẩm quyền chung cuộc, không cần đưa về Bắc Kinh để chờ xét duyệt. Công việc phân giới vì vậy ít tốn kém và hiệu năng tăng cao”⁸.

A.5.d- Cắm mốc biên giới vùng Quảng Đông: Từ năm 1893 đến năm 1894

Sau một thời gian gần 4 năm, đoạn biên giới từ hợp lưu sông Gia Long (Bắc Phong Sinh) tới ải Bắc Cương vẫn chưa được cắm mốc, vì vẫn còn những tranh cãi. Tới tháng 1 năm 1894, khi **Đại tá Galliéni** làm chủ tịch phái đoàn của Pháp thì những đòi hỏi của Trung Hoa được chấp nhận dễ dàng. Đặc biệt để đổi lấy vị trí chiến lược núi Khẩu Mai, tổng Đèo Lương ở phía đông bắc tỉnh Cao Bằng đã bị nhượng cho Trung Hoa. Ở vùng đất bị nhượng này, thác Bản Giốc nằm sâu trong lãnh thổ Việt Nam⁹. Những mốc cắm đi theo những sông suối hay các đỉnh núi, nối tiếp theo cột mốc số 10 đến cột mốc 33 tại ải Bắc Cương.

A.6- Công ước Pháp-Thanh 1895

Công ước Pháp-Thanh 1895 hay cũng gọi là Công ước Gérard 1895 được bổ túc cho Công ước Pháp-Thanh 1887, được ký giữa đại diện của Pháp là đại sứ Gérard, đại diện Trung Hoa là Thân vương Dịch Khuông (Yi - K'uang) chủ tịch Tổng Lý Nha Môn.

Nội dung Công ước 1895: Phân chia lại đường biên giới giữa Bắc Kỳ và Vân Nam, nhà Thanh trả lại vùng Lai Châu (hữu ngạn sông Đà) mà Pháp đã nhượng cho Trung Hoa trong Công ước Pháp - Thanh năm 1887.

A.6.a- Cắm mốc đường biên giới Việt-Trung sau Công ước Pháp-Thanh 1895: từ 1895 - 1897

Đại tá Pennequin làm chủ tịch ủy ban phân định biên giới vùng hữu ngạn sông Hồng (tỉnh Lào Cai và Lai Châu) với Vân Nam, cũng là đoạn đến biên giới Lào. Từ sông Hồng tới sông Đà, đường biên giới theo sông suối hay theo đường trên đỉnh núi. Từ sông Đà đến biên giới Lào cắm 4 cột mốc. Đến tháng 3 năm 1896, việc cắm mốc đã hoàn tất, với các biên bản về cột mốc được ký kết giữa hai phái đoàn.

⁸ Xin xem ghi chú số 6

⁹ Tham khảo theo tài liệu từ của tác giả Trương Nhân Tuấn trong bài viết: “Thử nhìn lại một số âm mưu của người Hán...” về “Nhật-ký của Ủy-Ban Phân-Giới vùng Quảng-Tây, trong chiến-dịch phân giới 1893-1894: ... Ngày 27 và 28 tháng 12. Đại-Tá Galliéni vừa nhận chức chỉ-huy trưởng Vùng II Quân-Sự và kiêm-nhiệm luôn trọng-trách phân-giới. Đại-Tá Galliéni tỏ ý muốn nhượng-bộ trên vấn-đề Đèo-Lương nhưng với điều-kiện phải được đền-bồi tương-xứng để có được một đường biên-giới thiên-nhiên thật tốt, có khả-năng ngăn-chặn dễ-dàng những băng đảng đột-nhập vào lãnh-thổ của ta.”

A.6.b - Bản đồ về các cột mốc đã cắm qua các công ước Pháp Thanh 1887 và 1895

Trích dẫn từ:

<http://upload.wikimedia.org/wikipedia/commons/thumb/8/8a/SinoVietnamBorderMarker.jpg/1920px-SinoVietnamBorderMarker.jpg>

SinoVietnamBorderMarker

Central Intelligence Agency, 1988 – United States Central Intelligence Agency

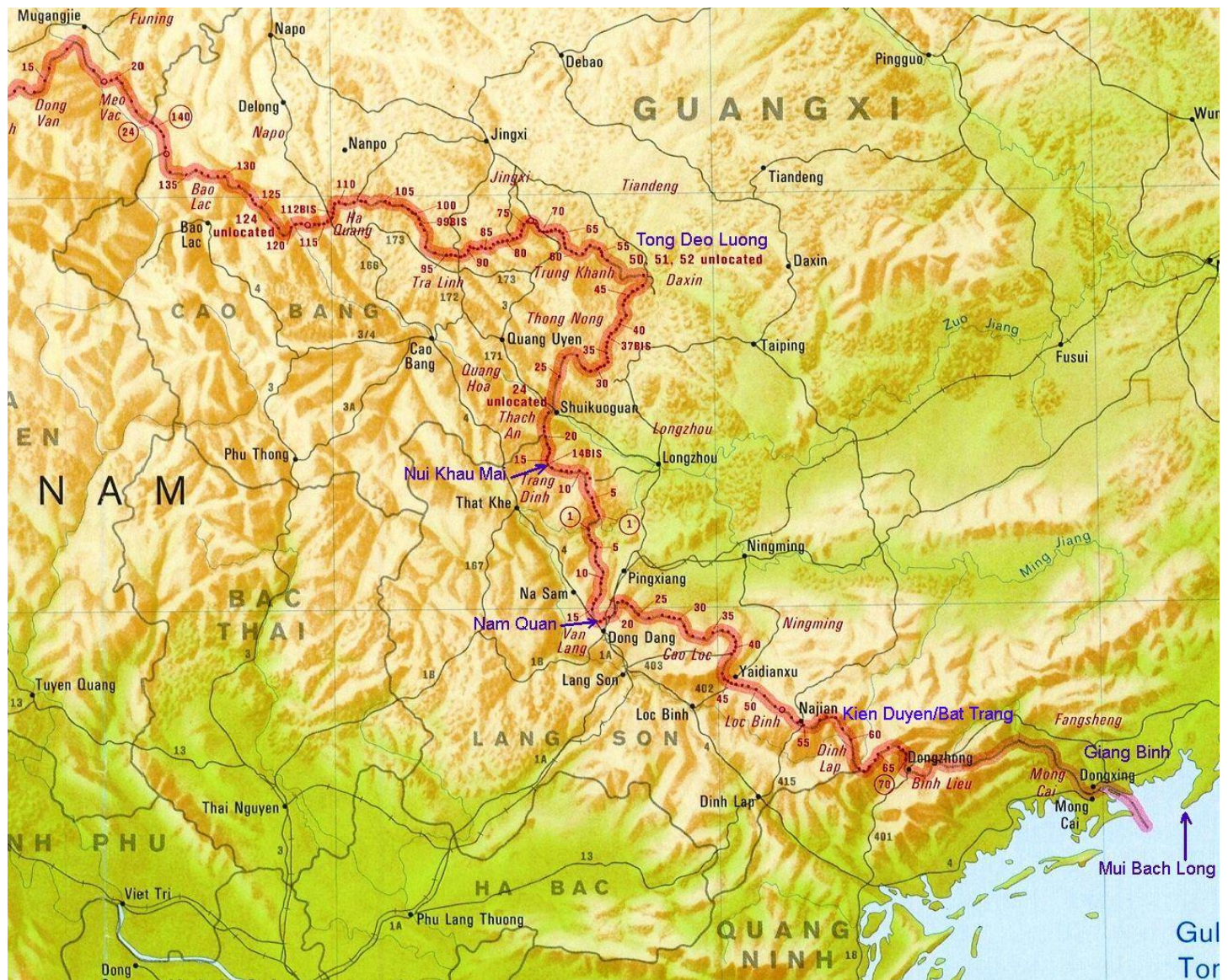
Bản đồ cột mốc biên giới Việt Nam-Trung Quốc theo Hiệp ước Pháp-Thanh 1887

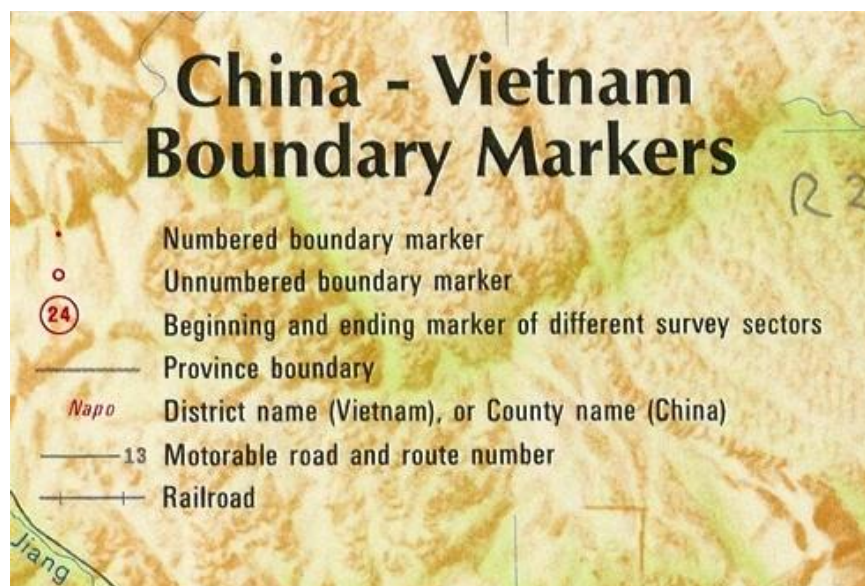
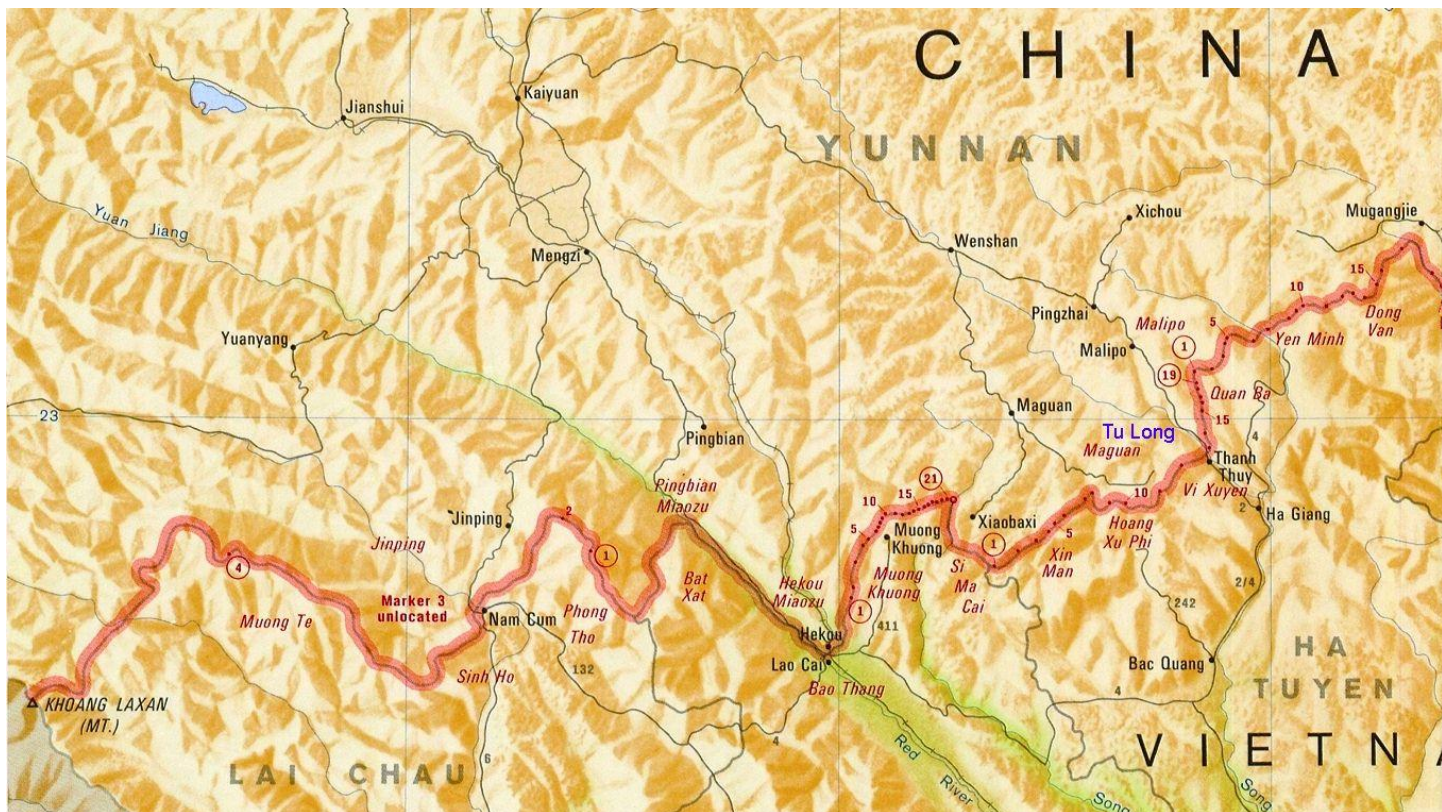
Scale 1:5,000,000 (E 102 --E 108 /N 24 --N 18) map: col. ; 21 x 17 cm Monthly Catalog Number: gp 9012088 Relief shown by shading. Shipping list no.: 89-207-P. "800918 (A06009) 9-88." Govdoc no.: PREX3.10/4:C44/27 PrEx 3.10/4:C 44/27 PrEx3.10/4:C44/27

Ghi chú: Những chữ màu xanh được ghi thêm vào các mảnh bản đồ dưới đây như sau:

Nam Quan, Giang Bình (Giang Bình), Mũi Bạch Long (Mũi Bạch Long). Tong Deo Luong (tổng Đèo Lương), Núi Khau Mai (Núi Khẩu Mai), Kien Duyen/Bat Trang (Kiến Duyệt/Bát Tràng).

Tu Long (Tụ Long)





A.7- Những vùng Pháp đã nhượng cho Trung Hoa qua việc phân định biên giới

A.7.a- Vùng Nam Quan

Việt Nam mất 100 m đất trước cổng Trấn Nam của Trung Hoa do sự dễ dãi của phái đoàn phân định biên giới Pháp do ông Bourcier Saint-Chaffray làm chủ tịch.

A.7.b- Hai tổng Bát Tràng và Kiến Duyên¹⁰

Vùng đất này ở phía bắc của tỉnh Quảng Ninh, gồm có hơn 7 xã thuộc tổng Bát Tràng và hai xã thuộc tổng Kiến Duyên, ở phía bắc của xã Hoành Mô và Bình Liêu tỉnh Quảng Ninh.

A.7.c- Vùng Giang Bình và mũi Bạch Long

Vùng từ trải dài theo bờ biển bao gồm mũi Bạch Long. Trên vùng đất này gồm có một số làng người Việt sinh sống. Vùng đất này bị nhượng cho Trung Hoa theo công ước Pháp-Thanh 1887.

A.7.d- Vùng Tụ Long

Vùng đất có mỏ đồng và thiếc ở phía tây tỉnh Hà Giang với diện tích khoảng 750 km². Vùng đất này bị nhượng cho Trung Hoa theo công ước Pháp-Thanh 1887.

A.7.e- Tổng Đèo Lương

Vùng đất ở phía đông bắc của tỉnh Cao Bằng bị phái đoàn phân định biên giới do đại tá Galliéni làm chủ tịch nhượng cho Trung Hoa, để đổi lấy vị trí chiến lược của núi Khẩu mai gần Long Châu thuộc Quảng Tây. Đây là vùng đất khá rộng (khoảng 300 km² ?).

Tới năm 1897, đường biên giới giữa Việt Nam và Trung Hoa được thành lập, với giá trị pháp lý quốc tế. Tuy nhiên, trong việc phân định cũng như việc cắm mốc biên giới từ năm 1885 đến năm 1897, Việt Nam đã mất khá nhiều đất cho Trung Quốc. Họ dùng đã rất nhiều âm mưu để lừa gạt, không chừa bất cứ thủ đoạn nào, miễn là có lợi cho họ và những việc này sẽ còn tiếp tục trong tương lai.

B- Những vùng trên biên giới Việt-Trung bị lấn chiếm sau các công ước Pháp-Thanh.

(Còn tiếp)

¹⁰ Sách “*Vấn đề biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc*” trang 40, nhà xuất bản Sự Thật, 1979: “*Tổng Bát Tràng-Kiến Duyên hiện nay đối diện với vùng Hoành Mô, huyện Bình Liêu của tỉnh Quảng Ninh*”.